

BÁO CÁO TÓM TẮT NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH TỈNH ĐỒNG THÁP THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN 2050

I. PHẠM VI, RANH GIỚI QUY HOẠCH

Tỉnh Đồng Tháp hình thành sau sắp xếp trên cơ sở hợp nhất toàn bộ diện tích tự nhiên, đơn vị hành chính và dân số của hai tỉnh Đồng Tháp và Tiền Giang với **tổng diện tích tự nhiên là 5.938,64 km², quy mô dân số năm 2025 là 3.403.776 người**. Từ đây mở ra cơ hội mang tính bước ngoặt để định hình không gian phát triển theo hướng cân bằng, có tầm nhìn dài hạn và chủ động thích ứng với các thách thức hiện nay. Hai vùng có nhiều điểm tương đồng, cùng sở hữu nền tảng nông nghiệp vững chắc, kinh nghiệm tích lũy trong quản lý tài nguyên thiên nhiên và lợi thế về vị trí địa kinh tế liền kề, qua đó tạo điều kiện thuận lợi để tăng cường liên kết, phát huy tính bổ trợ và cộng hưởng các lợi thế so sánh của từng vùng.

Đồng Tháp sau sáp nhập là cửa ngõ của vùng Đồng bằng sông Cửu Long, có ranh giới trải dài từ biên giới Campuchia đến tận biển Đông. Sau sắp xếp, tỉnh Đồng Tháp có vị trí tiếp giáp như sau:

- Phía Bắc giáp tỉnh Tây Ninh;
- Phía Đông Bắc giáp Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phía Đông giáp Biển Đông;
- Phía Nam giáp tỉnh Vĩnh Long và Thành phố Cần Thơ;
- Phía Tây giáp tỉnh An Giang;
- Phía Tây Bắc giáp Vương quốc Campuchia

Trung tâm chính trị – hành chính tỉnh đặt tại phường Mỹ Tho (TP. Mỹ Tho cũ).

II. QUAN ĐIỂM, TẦM NHÌN, MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN; CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM, ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN

1. Quan điểm phát triển

a) Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Đồng Tháp thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050 phải bám sát chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước; phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế, xã hội của cả nước; thống nhất với quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long và các quy hoạch liên quan.

b) Quán triệt phương châm phát triển “Toàn diện – trọng tâm – kết nối – bứt phá – bền vững”. Tổ chức triển khai nhiệm vụ trên mọi lĩnh vực, địa bàn theo hướng toàn diện nhưng có trọng tâm, trọng điểm; kiên quyết khắc phục tư duy dàn trải, manh mún. Bám sát quy hoạch, định hướng phát triển, lựa chọn đúng các khâu đột phá, các chương trình, dự án có sức lan tỏa lớn; hình thành các vùng động lực, cực tăng trưởng, hành lang phát triển nội tỉnh, tạo chuyển biến rõ nét về chất lượng tăng trưởng và năng lực cạnh tranh. Phát triển tỉnh dựa trên khai thác hiệu quả lợi thế không gian mới, mô hình tăng trưởng mới gắn với khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; thúc đẩy mô hình kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế số. Sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên đất, nước và hệ sinh thái đặc thù.

c) Khơi dậy tinh thần đoàn kết và khát vọng phát triển; phát huy văn hóa và con người Đồng Tháp như nguồn lực nội sinh quan trọng. Chú trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, nhất là cho các ngành mũi nhọn; xây dựng môi trường văn hóa - xã hội lành mạnh, sáng tạo; bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa đa dạng của cộng đồng các dân tộc. Xây dựng văn hoá, con người Đồng Tháp với các chuẩn mực đặc trưng “nghĩa tình, năng động, sáng tạo”.

d) Tập trung phát triển có trọng tâm, trọng điểm, ưu tiên nguồn lực vào các ngành và không gian có tiềm năng tạo bước đột phá, hình thành các cực tăng trưởng và vùng động lực, đóng vai trò dẫn dắt và lan tỏa động lực phát triển đến toàn bộ nền kinh tế tỉnh. Nhưng vẫn phải tạo điều kiện bình đẳng về cơ hội cho người dân ở tất cả các tiểu vùng, tận dụng tối đa lợi thế của từng khu vực; bảo đảm phát triển hài hòa và bền vững trong dài hạn.

đ) Lấy phát triển kinh tế nhanh, bền vững là nhiệm vụ trung tâm, phát triển toàn diện cả 3 lĩnh vực kinh tế, văn hoá - xã hội và môi trường, mọi chính sách đều phải hướng tới nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và hạnh phúc của người dân; phát triển hài hòa giữa kinh tế với văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu và bảo đảm quốc phòng, an ninh.

2. Mục tiêu, chỉ tiêu phát triển đến năm 2030

a) Mục tiêu tổng quát

Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, khơi dậy khát vọng và ý chí tự cường, quyết tâm đưa Đồng Tháp phát triển nhanh, bền vững. Phát triển kinh tế dựa trên tiềm năng và lợi thế sẵn có, bứt phá trong tăng trưởng. Khai thác hiệu quả các vùng động lực, các hành lang kinh tế chiến lược. Lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kinh tế số, kinh tế xanh và kinh tế tuần hoàn làm nền tảng cho tăng trưởng. Tập trung xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đồng bộ, hiện đại. Phát huy vai trò kết nối chiến lược, quan trọng giữa vùng đồng bằng sông Cửu Long với Thành phố Hồ Chí Minh, vùng Đông Nam Bộ và các địa phương tiếp giáp tại khu vực biên giới.

Phân đầu đến năm 2030, Đồng Tháp trở thành tỉnh có tốc độ công nghiệp phát triển nhanh, tiên phong xây dựng nền nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh, thuộc nhóm địa phương phát triển hàng đầu của vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Đời sống người dân được nâng cao, văn hoá - xã hội tiến bộ, quốc phòng - an ninh đảm bảo.

b) Mục tiêu cụ thể giai đoạn 2026-2030

Về kinh tế

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) bình quân 5 năm (2026 - 2030) đạt từ 9%/năm, đến năm 2030 tăng trưởng từ 10% trở lên.
- Thu nhập bình quân đầu người đến năm 2030 đạt 115 - 120 triệu đồng; GRDP bình quân đầu người đến năm 2030 đạt 150 - 154 triệu đồng/người.
- Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội 05 năm (2026 - 2030) đạt khoảng 702 nghìn tỷ đồng, bình quân chiếm 33% so với GRDP.
- Kim ngạch xuất khẩu đến năm 2030 đạt 14,8 tỷ USD.
- Tốc độ tăng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn bình quân 5 năm (2026 - 2030) đạt 10%/năm.
- Số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới 05 năm (2026 - 2030) đạt 22.500 doanh nghiệp.

Về văn hoá - xã hội

- Số lao động được tạo việc làm 5 năm (2026 - 2030) đạt 250.000 lao động, bình quân mỗi năm tạo việc làm cho 50.000 lao động.
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo năm 2030 đạt ít nhất 82,5%; trong đó, tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 43,5% trở lên.
- Đến năm 2030, không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2026 – 2030
- Tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026 – 2030.
- Đến năm 2030, có 11 bác sĩ/vạn dân; 32 giường bệnh/vạn dân; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng đạt từ 7,98% trở xuống. Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt 100%.
- Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động tham gia bảo hiểm xã hội đến năm 2030 đạt từ 35% trở lên; trong đó, tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc đạt từ 30% trở lên, tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện đạt từ 5% trở lên.
- Đến năm 2030, tỷ lệ huy động học sinh trong độ tuổi: nhà trẻ đạt 38%, mẫu giáo đạt 97%, tiểu học đạt 100%, trung học cơ sở đạt 99,5%, trung học phổ

thông và tương đương đạt 95%. Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia (tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông) đều đạt 100%.

- Xây dựng hoàn thành 12.834 căn nhà ở xã hội.

Về môi trường

- Tỷ lệ dân cư nông thôn sử dụng nước sạch theo quy chuẩn chất lượng nước sinh hoạt đến năm 2030 đạt trên 99%.

- Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom, xử lý bảo đảm quy chuẩn đến năm 2030 đạt trên 99%.

- Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh đạt quy chuẩn môi trường đến năm 2030 đạt 100%.

3. Tầm nhìn đến năm 2050

Đến năm 2050, trở thành trung tâm nông nghiệp hiện đại và du lịch sinh thái của vùng Đồng bằng sông Cửu Long, là địa phương dẫn đầu cả nước trong một số lĩnh vực nông nghiệp, phát triển công nghiệp tiên tiến. Tỉnh trở thành “nơi đáng sống” với đời sống Nhân dân phồn vinh, hạnh phúc; xã hội văn minh, trật tự, an toàn; quốc phòng – an ninh vững chắc.

4. Các nhiệm vụ trọng tâm, đột phá phát triển

a) Các nhiệm vụ trọng tâm

Hoàn thiện thể chế phát triển và nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước: Tập trung xây dựng nền hành chính hiện đại, kỷ luật, minh bạch và phục vụ, điều hành dựa trên dữ liệu và kết quả đầu ra. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong đầu tư, đất đai, xây dựng và môi trường; nâng cao trách nhiệm người đứng đầu; chuẩn hóa quy trình chuẩn bị và giám sát dự án, bảo đảm phân bổ nguồn lực hiệu quả, nâng cao năng lực kiến tạo phát triển và cải thiện hiệu suất sử dụng vốn.

Nâng cao hiệu quả huy động và sử dụng nguồn lực, tăng cường liên kết vùng: Cơ cấu lại đầu tư theo hướng tập trung vào các dự án động lực, có tính lan tỏa cao; phát huy vai trò dẫn dắt của đầu tư công trong thu hút đầu tư tư nhân và FDI. Đẩy mạnh liên kết với các địa phương trong vùng và các trung tâm kinh tế lớn nhằm mở rộng thị trường, tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị và nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế địa phương.

Phát triển đồng bộ hạ tầng giao thông, logistics và đô thị: Ưu tiên hoàn thiện kết nối giao thông đối ngoại và nội tỉnh; phát triển hệ thống cảng, bến thủy, trung tâm logistics và kho lạnh gắn với các hành lang kinh tế và trục sông lớn. Nâng cấp hạ tầng đô thị theo hướng đồng bộ, tích hợp hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng số và hạ tầng xã hội, khắc phục điểm nghẽn phát triển và tạo không gian tăng trưởng mới.

Phát triển các ngành kinh tế theo hướng kinh tế xanh, kinh tế số và kinh tế tuần hoàn: Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng gia tăng hàm lượng công nghệ, số hóa và thân thiện môi trường trong công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ. Thúc đẩy công nghiệp chế biến, logistics, dịch vụ số; khuyến khích ứng dụng công nghệ sạch, tự động hóa và quản trị hiện đại nhằm nâng cao năng suất lao động, gia tăng giá trị nội địa và đóng góp của TFP vào tăng trưởng.

Phát triển toàn diện văn hóa – xã hội, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực: Nâng cao chất lượng giáo dục, y tế, văn hóa và an sinh xã hội; phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của công nghiệp, logistics và kinh tế số. Cải thiện môi trường sống, phát triển đô thị văn minh, bền vững; bảo đảm tăng trưởng kinh tế gắn với tiến bộ và công bằng xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân.

Tăng cường quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và thích ứng biến đổi khí hậu: Tích hợp mục tiêu bảo vệ môi trường vào quy hoạch và đầu tư phát triển; quản lý hiệu quả tài nguyên đất, nước và hệ sinh thái; kiểm soát ô nhiễm trong khu, cụm công nghiệp và đô thị. Chủ động triển khai các giải pháp thích ứng biến đổi khí hậu, nâng cao khả năng chống chịu và bảo đảm phát triển bền vững dài hạn.

Thúc đẩy chuyển đổi số và hệ sinh thái đổi mới sáng tạo: Xây dựng chính quyền số, kinh tế số và xã hội số; phát triển nền tảng dữ liệu dùng chung phục vụ điều hành và quản lý phát triển theo dự án và theo không gian. Tăng cường liên kết giữa Nhà nước, cơ sở đào tạo và doanh nghiệp trong nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ, tạo động lực nâng cao năng suất và chất lượng tăng trưởng.

Đảm bảo vững chắc quốc phòng - an ninh, mở rộng quan hệ đối ngoại.

b) Các đột phá phát triển

Ưu tiên xây dựng thể chế và mô hình quản trị địa phương hiện đại mang tính đột phá: Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương thức quản trị phát triển theo hướng hiệu lực, hiệu quả, minh bạch, số hóa và phục vụ người dân, doanh nghiệp; nâng cao chất lượng điều hành, năng lực phối hợp liên ngành, liên cấp và khả năng tổ chức thực hiện quy hoạch. Tập trung cải cách thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ đầu tư, đất đai, xây dựng, môi trường; nâng cao chất lượng xúc tiến đầu tư, chuẩn bị quỹ đất sạch, giải phóng mặt bằng, giải ngân đầu tư công và hỗ trợ doanh nghiệp. Hình thành nền tảng dữ liệu dùng chung, điều hành phát triển theo không gian và theo dự án trọng điểm, tạo điều kiện huy động và phân bổ nguồn lực hiệu quả hơn.

Phát triển hạ tầng giao thông đồng bộ hiện đại, thích ứng với biến đổi khí hậu, chú trọng hạ tầng logistics xuyên biên giới và đa phương thức để tỉnh Đồng Tháp trở thành trung tâm trung chuyển của tiểu vùng Mê Công. Ưu tiên triển khai

các công trình giao thông trọng điểm, kết nối Thành phố Hồ Chí Minh với vùng Đồng bằng sông Cửu Long, khơi thông kết nối vùng để thu hút nhà đầu tư chiến lược, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội. Hoàn thiện, nâng cấp hệ thống giao thông nông thôn, giao thông liên xã, phường trên toàn tỉnh.

Phát triển nền nông nghiệp sinh thái, hiện đại, công nghệ cao, gắn với công nghiệp chế biến, chuỗi giá trị và thị trường xuất khẩu. Cơ cấu nông nghiệp theo hướng xanh, hiện đại, bền vững, đa giá trị; thúc đẩy sản xuất tuần hoàn, thích ứng biến đổi khí hậu, hình thành các vùng nguyên liệu tập trung. Nhân rộng các mô hình liên kết, hợp tác có hiệu quả gắn với chuyển đổi số nông thôn và phát triển du lịch nông nghiệp. Tạo điều kiện thuận lợi để nông dân liên kết sản xuất theo chuỗi, làm vệ tinh cho doanh nghiệp lớn hoặc phát triển thành doanh nghiệp tư nhân, góp phần hình thành lực lượng sản xuất mới trong nông nghiệp.

Phát triển công nghiệp nhanh, theo hướng hiện đại, bền vững, trở thành động lực tăng trưởng kinh tế chủ yếu. Ưu tiên phát triển công nghiệp chế biến gắn kết chặt chẽ với vùng nguyên liệu. Thu hút các dự án sử dụng công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường, tạo giá trị gia tăng cao. Tổ chức lại không gian công nghiệp và hình thành các vùng công nghiệp trọng điểm với lợi thế địa kinh tế và kết nối với các trục giao thông chiến lược.

Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, nhất là trong các lĩnh vực công nghệ thông tin, y tế, giáo dục, logistics, quản lý công, công nghệ sinh học nông nghiệp, công nghệ sau thu hoạch, tự động hóa nông nghiệp, kỹ thuật môi trường, công nghệ thực phẩm, chế biến nông sản thông minh. Đổi mới chương trình giáo dục nghề nghiệp và đại học gắn với nhu cầu phát triển của tỉnh, chú trọng kỹ năng thực hành, ngoại ngữ, công nghệ thông tin; tăng cường liên kết với doanh nghiệp, các viện, trường lớn trong và ngoài nước.

Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong các ngành, lĩnh vực ưu tiên và quản lý nhà nước. Nâng cao năng lực quản lý của các cơ quan trong hệ thống chính trị, cải thiện môi trường đầu tư theo hướng minh bạch, ổn định và thuận lợi cho sự phát triển. Tiếp tục triển khai các nền tảng chính quyền điện tử, nâng cấp hệ thống các dịch vụ công trực tuyến, tạo ra hệ thống quản lý hành chính hiệu quả, minh bạch và dễ dàng tiếp cận cho người dân và doanh nghiệp. Ban hành cơ chế, chính sách để phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn, IoT trong quản lý nhà nước, nông nghiệp, công nghiệp, thương mại, y tế, giáo dục để Đồng Tháp nằm trong nhóm dẫn đầu chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII) của vùng.

III. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH QUAN TRỌNG; PHƯƠNG HƯỚNG TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực quan trọng

a) Ngành công nghiệp

Định hướng phát triển toàn ngành hướng đến mô hình Công nghiệp xanh – chế biến sâu – logistics tích hợp – đô thị công nghiệp hiện đại, bảo đảm phù hợp lợi thế vùng nguyên liệu, điều kiện giao thông thủy – bộ và yêu cầu hội nhập thị trường. Phát triển công nghiệp không tách rời nông nghiệp và đóng vai trò nâng cấp chuỗi giá trị, giảm xuất thô, tăng chế biến, tăng chất lượng tiêu chuẩn và năng lực đáp ứng đơn hàng lớn.

Phát triển công nghiệp – xây dựng trở thành ngành kinh tế chủ đạo, động lực tăng trưởng và trụ cột thu ngân sách của tỉnh Đồng Tháp mới, phù hợp với Quy hoạch tỉnh và các quy hoạch ngành quốc gia, tận dụng tối đa vị trí cửa ngõ ĐBSCL kết nối vùng Đông Nam Bộ, hành lang sông Tiền – sông Hậu – vùng biển Gò Công và tiểu vùng Đồng Tháp Mười.

Tập trung phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo gắn với lợi thế nông nghiệp, thủy sản, kinh tế cửa khẩu và kinh tế biển; đồng thời đẩy mạnh hình thành các cụm ngành công nghiệp chiến lược (chế biến nông – thủy sản, năng lượng – năng lượng tái tạo, sinh học – dược phẩm – hóa dược, cơ khí – thiết bị nông nghiệp, VLXD, dệt may – da giày, kinh tế số...), chuyển từ phát triển đơn ngành sang phát triển theo cụm ngành và chuỗi giá trị.

Phát triển công nghiệp theo hướng hiện đại, xanh, kinh tế tuần hoàn, carbon thấp, ưu tiên các ngành ít gây ô nhiễm, có hàm lượng khoa học – công nghệ cao, tận dụng thành quả Cách mạng công nghiệp 4.0 và chuyển đổi số. Không thu hút đầu tư bằng mọi giá; chú trọng kiểm soát môi trường, sử dụng tiết kiệm tài nguyên, bảo đảm an ninh – quốc phòng và thích ứng với biến đổi khí hậu, xâm nhập mặn và sụt lún đất.

Tổ chức không gian công nghiệp theo các vùng sinh thái công nghiệp và hành lang kinh tế động lực: vùng ven biển Soài Rạp – Gò Công – Tân Phước; vùng công nghiệp – logistics dọc sông Tiền, sông Hậu; vùng sinh thái công nghiệp Đồng Tháp Mười; vùng công nghiệp – dịch vụ tại Khu kinh tế cửa khẩu. Gắn phát triển công nghiệp với đô thị hóa, logistics, phát triển cảng sông, cảng biển, cảng cạn, hình thành các cực tăng trưởng mới của tỉnh.

Xây dựng môi trường đầu tư – kinh doanh thuận lợi, minh bạch, thu hút hiệu quả cả doanh nghiệp trong nước và FDI; phát triển mạnh doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; nâng cao chất lượng nguồn

nhân lực công nghiệp – xây dựng, gắn với hệ thống giáo dục nghề nghiệp, trường đại học trong tỉnh và vùng.

Đối với ngành xây dựng, phát triển theo hướng hiện đại, đáp ứng yêu cầu phát triển dải đô thị ven sông Tiền – sông Hậu, đô thị ven biển Gò Công và đô thị biên giới Đồng Tháp Mười, ưu tiên các giải pháp, công nghệ và vật liệu xây dựng phù hợp điều kiện nền đất yếu, vùng ngập lũ, ven biển, thích ứng với biến đổi khí hậu.

b) Ngành thương mại, dịch vụ

Định hướng phát triển toàn ngành theo hướng thương mại – dịch vụ hiện đại, lấy đô thị làm cực tăng trưởng, lấy logistics và hạ tầng thị trường làm đòn bẩy, lấy liên kết vùng – kết nối hành lang làm cơ chế mở rộng không gian phát triển. Tinh tập trung chuyển mạnh từ thương mại truyền thống sang thương mại tổ chức, thương mại số, hệ thống phân phối quy mô lớn; phát triển dịch vụ vận tải – kho bãi – logistics lạnh – dịch vụ giá trị gia tăng, bảo đảm liên thông giữa vùng sản xuất nông nghiệp, công nghiệp chế biến với thị trường tiêu thụ, cửa khẩu và các cửa ngõ xuất khẩu.

Phát triển thương mại, dịch vụ phải góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân, tạo việc làm bền vững và thu nhập ổn định. Mọi chính sách và chương trình hỗ trợ được thiết kế theo hướng giảm chi phí giao dịch, giảm chi phí logistics và mở rộng thị trường cho doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh.

Phát triển thương mại, dịch vụ theo hướng dẫn dắt sản xuất, gắn với tái cơ cấu nông nghiệp, mở rộng công nghiệp chế biến và thúc đẩy kinh tế đô thị. Ưu tiên hình thành chuỗi giá trị hoàn chỉnh cho các ngành hàng có lợi thế như lúa gạo, cây ăn trái, hoa kiểng, thủy sản, thức ăn chăn nuôi, sản phẩm chế biến và du lịch.

Phát triển thương mại, dịch vụ trên nền tảng liên kết chặt chẽ với TP.HCM, Cần Thơ, các tỉnh ABCD Mekong, vùng Đông Nam Bộ và Campuchia; tận dụng tối đa lợi thế cửa ngõ của tỉnh. Kết hợp hài hòa thương mại nội địa, xuất nhập khẩu, thương mại biên giới và logistics, xem đây là động lực quan trọng để mở rộng không gian phát triển mới.

Phát triển thương mại, dịch vụ gắn với hiện đại hóa hạ tầng thương mại, hạ tầng logistics và hạ tầng số như Internet băng rộng, thanh toán số, nền tảng số. Thương mại điện tử, dịch vụ số và thanh toán không dùng tiền mặt được xem là xu thế chủ đạo, từng bước trở thành phương thức giao dịch phổ biến trong sản xuất – kinh doanh và tiêu dùng.

Phát triển các lĩnh vực du lịch, y tế, giáo dục, tài chính, thông tin – truyền thông, bất động sản... theo hướng chất lượng cao, xanh và thông minh, gắn với

bảo tồn hệ sinh thái, di sản văn hóa và bản sắc địa phương. Mọi hoạt động thương mại – dịch vụ phải thích ứng với biến đổi khí hậu, quản lý rủi ro thiên tai, giảm phát thải và sử dụng tài nguyên tiết kiệm, hiệu quả.

Chính quyền đóng vai trò kiến tạo và điều phối, bảo đảm môi trường cạnh tranh lành mạnh, minh bạch, giảm thủ tục hành chính và nâng cao chất lượng môi trường kinh doanh (PCI, DTI, PAPI, PAR Index). Đồng thời, huy động tối đa nguồn lực xã hội hóa, thu hút mạnh mẽ khu vực tư nhân và FDI đầu tư vào thương mại, dịch vụ, logistics, du lịch, hạ tầng số và dịch vụ đô thị.

c) Ngành nông nghiệp

Phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản của tỉnh Đồng Tháp được định hướng theo chiến lược quốc gia “Nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh” (Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ), coi đây là nền tảng xuyên suốt cho mọi hoạt động tái cơ cấu sản xuất, quản lý tài nguyên và phát triển nông thôn. Ngành nông nghiệp được xác định là trụ cột của nền kinh tế Tỉnh, vừa đảm bảo an ninh lương thực - sinh kế - môi trường, vừa đóng vai trò động lực cho công nghiệp chế biến, thương mại, logistics và du lịch.

Phát triển nông nghiệp được định hướng theo chuỗi giá trị và không gian kinh tế nông nghiệp tích hợp, chuyển mạnh từ “tư duy sản xuất” sang “tư duy kinh tế nông nghiệp”. Mỗi ngành hàng chủ lực (lúa gạo, trái cây, thủy sản, hoa kiểng) được tổ chức theo chuỗi khép kín từ vùng nguyên liệu - chế biến - logistics - thương mại, gắn chặt với doanh nghiệp và hợp tác xã làm hạt nhân, nông dân làm chủ thể trung tâm.

Phát triển nông nghiệp Đồng Tháp hướng đến mô hình nông nghiệp hiện đại, công nghệ cao và thích ứng chủ động với biến đổi khí hậu, coi chuyển đổi số và kinh tế tuần hoàn là động lực phát triển bền vững. Các mô hình sản xuất thông minh, quản lý bằng dữ liệu số, tiết kiệm tài nguyên và giảm phát thải được ưu tiên triển khai rộng khắp, góp phần xây dựng nền nông nghiệp carbon thấp, sinh thái và phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050 (Net Zero). Chuyển đổi linh hoạt cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp với diễn biến hạn mặn, xâm nhập mặn ngày càng gay gắt; giảm diện tích lúa 3 vụ kém hiệu quả để chuyển sang các mô hình khác có giá trị kinh tế cao hơn.

Phát triển nông nghiệp Tỉnh theo hướng phát huy đa dạng hóa các mô hình đa dạng tạo giá trị cao hơn nhưng phải dựa trên xây dựng sản xuất quy mô lớn và liên kết chặt. Sản xuất lớn gắn kết các tác nhân trong chuỗi giá trị, áp dụng khoa học công nghệ trong tất cả các khâu từ sản xuất đến chế biến, tiêu thụ, nâng cao hiệu quả kinh tế, tạo ra giá trị cao và đa dạng, xây dựng hệ sinh thái ngành hàng hướng tới đảm bảo an ninh lương thực bền vững và hướng tới đảm bảo phát triển vững bền cả về xã hội và tự nhiên.

Đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, hướng tới các thị trường khó tính bằng các sản phẩm đã được cấp mã số vùng trồng, đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng cao.

Phát triển nông nghiệp của tỉnh Đồng Tháp trong giai đoạn tới là phát triển mở, liên kết vùng hình thành các hành lang kinh tế, logistics hiệu quả và hội nhập sâu quốc tế, hướng tới xây dựng Tỉnh trở thành trung tâm nông nghiệp sinh thái - công nghệ cao - đa giá trị hàng đầu của vùng Đồng bằng sông Cửu Long, góp phần thực hiện tầm nhìn quốc gia về “nông nghiệp xanh, kinh tế tuần hoàn và nông thôn thịnh vượng”.

Xây dựng nông thôn thịnh vượng hiện đại gắn với cộng đồng phát triển và môi trường xanh đẹp. Đời sống người dân nông thôn ngày càng phát triển, phúc lợi xã hội được đảm bảo, không gian nông thôn quy hoạch hợp lý, có môi trường xanh, sạch, đẹp gắn với truyền thống và đặc điểm địa phương.

Xây dựng nông dân văn minh phải tập trung vào phát triển lực lượng nông dân chuyên nghiệp, được đào tạo, được tổ chức lại thành các HTX, tổ hợp tác, các hội quán, câu lạc bộ, sống làm giàu từ nông nghiệp, có tinh thần tương thân tương ái, hợp tác, trách nhiệm. Trên cơ sở đó, người trẻ, người giỏi mới hăng say ở lại nông thôn, phát triển sản xuất, kinh doanh nông nghiệp hình thành các trang trại, doanh nghiệp.

2. Phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực khác

a) Dân số, lao động và việc làm:

Dự báo dân số của tỉnh đến năm 2030 theo 3 phương án như sau:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Hiện trạng		Quy hoạch
			2020	2025	2030
Phương án 1					
1	Quy mô dân số	Người	3.372.799	3.403.776	3.435.000
2	Tỷ lệ tăng dân số	%	0,2	0,18	0,18
3	Lực lượng lao động 15 tuổi trở lên	Người	2.019.000	2.037.000	2.060.000
4	Tỷ lệ lao động/ dân số	%	59,86	59,85	59,97
Phương án 2 - PA chọn					
1	Quy mô dân số	Người	3.372.799	3.403.776	3.481.000
2	Tỷ lệ tăng dân số	%	0,2	0,18	0,45
3	Lực lượng lao động 15 tuổi trở lên	Người	2.019.000	2.037.000	2.071.000
4	Tỷ lệ lao động/ dân số	%	59,86	59,85	59,49
Phương án 3					
1	Quy mô dân số	Người	3.372.799	3.403.776	3.500.000
2	Tỷ lệ tăng dân số	%	0,2	0,18	0,56

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Hiện trạng		Quy hoạch
			2020	2025	2030
3	Lực lượng lao động 15 tuổi trở lên	Người	2.019.000	2.037.000	2.100.000
4	Tỷ lệ lao động/ dân số	%	59,86	59,85	60,00

Quy mô dân số đến năm 2030: 3.481.000 người, tỷ lệ tăng dân số trung bình năm khoảng 0,45 %/năm.

a.1. Phương hướng phát triển dân số

- Khuyến khích người dân sinh con để đạt và duy trì mức sinh thay thế;
- Nâng cao toàn diện chất lượng dân số cả về thể chất, trí tuệ và tinh thần;
- Kiểm soát tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh để đảm bảo cân đối cơ cấu dân số.

a.2. Phương hướng phát triển lao động, việc làm

Phát triển nguồn nhân lực là trụ cột then chốt và là yếu tố đột phá để xây dựng tỉnh Đồng Tháp mới thuộc nhóm địa phương phát triển hàng đầu của vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

Phương hướng phát triển lao động, việc làm được định hướng như sau:

- Chuyển dịch cơ cấu lao động, việc làm gắn với định hướng đổi mới mô hình tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu lao động từ khu vực nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ, những ngành giá trị gia tăng cao, công nghệ và phát triển bền vững.

+ Trong khu vực nông nghiệp: Lực lượng lao động nông nghiệp được tổ chức lại theo hướng giảm lao động phổ thông - tăng lao động kỹ thuật, phù hợp với yêu cầu sản xuất quy mô lớn, công nghệ mới và chế biến sâu, cụ thể là: Phát triển nhân lực cho các mô hình nông nghiệp đô thị (nông nghiệp - sinh thái, cánh đồng mẫu lớn, trang trại đô thị,...); Phát triển nguồn nhân lực cho nông nghiệp công nghệ cao; Phát triển nguồn nhân lực cho chế biến nông sản; Phát triển nguồn nhân lực cho nông nghiệp theo hướng dịch vụ (thương mại nông sản, logistics, du lịch sinh thái,...);

+ Trong khu vực công nghiệp: Lực lượng lao động phải được tổ chức lại theo hướng đáp ứng nhu cầu của ngành chế biến – chế tạo, công nghiệp phụ trợ, năng lượng tái tạo và các ngành dịch vụ hỗ trợ công nghiệp. Trọng tâm là nâng cao kỹ năng, mở rộng quy mô đào tạo và bảo đảm cung ứng ổn định cho cả khu vực đô thị và nông thôn. Phát triển nguồn nhân lực cho các ngành chế biến nông - thủy sản; cơ khí - chế tạo - thiết bị điện, điện tử; năng lượng và năng lượng tái

tạo; đặc biệt nguồn nhân lực cho các ngành công nghiệp tiềm năng như công nghệ cao - điện tử - tự động hóa, v.v...

+ Trong khu vực dịch vụ: Lực lượng lao động sẽ được phát triển theo hướng chuyên nghiệp – số hóa – chất lượng cao. Phát triển nguồn nhân lực cho một số lĩnh vực chủ yếu như: thương mại - logistics; thương mại điện tử; v.v...

- Thu hút đầu tư vào các khu công nghiệp để tạo việc làm cho người lao động, với mục tiêu là tạo việc làm quy mô lớn, chất lượng, ổn định và có thu nhập cao, đặc biệt là các việc làm xanh, việc làm công nghệ trong khu vực công nghiệp. Ưu tiên đầu tư tái đào tạo và bồi dưỡng kỹ năng số cơ bản cho toàn bộ lao động. Phát triển thị trường lao động thông minh và liên thông, thông qua xây dựng hệ thống Thông tin Thị trường Lao động đồng bộ, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và dữ liệu lớn (Big Data) để kết nối cung - cầu lao động.

b) Giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực

- Đẩy mạnh giáo dục STEM, STEAM trong các cấp học phổ thông.

- Giáo dục mầm non: Duy trì, giữ vững chuẩn quốc gia về phổ cập giáo dục Mầm non cho trẻ 5 tuổi, tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ đến trường ít nhất là 38%, trẻ mẫu giáo là 97%. Duy trì 100% trẻ trong trường mầm non được an toàn và học 2 buổi/ngày; tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân và thấp còi giảm trung bình 0,4%/năm;

- Giáo dục tiểu học: Củng cố, nâng cao chất lượng xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3 theo hướng bền vững. Huy động 100% trẻ 6 tuổi vào lớp 1; 100% học sinh được học 2 buổi/ngày; 100% trẻ khuyết tật được giáo dục hòa nhập. Bảo đảm đủ giáo viên, nhân viên theo quy định. 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo trở lên.

- Giáo dục THCS: Phấn đấu 100% xã, phường đạt phổ cập giáo dục THCS mức độ 2 trở lên, 60% xã phường đạt phổ cập mức độ 3. Duy trì tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình tiểu học vào THCS đạt 100%. Tỷ lệ phòng học kiên cố đạt 100%; Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia đạt 100%, 40% học sinh sau tốt nghiệp THCS được phân luồng vào học các trình độ đào tạo nghề nghiệp

- Giáo dục THPT: Tỷ lệ huy động học sinh THPT và tương đương 95%; Tỷ lệ tốt nghiệp THPT khoảng 99,5%; Bảo đảm đủ đội ngũ giáo viên, nhân viên theo quy định; 100% giáo viên có trình độ đạt chuẩn và trên chuẩn.

- Phát triển giáo dục chuyên biệt, hòa nhập: đáp ứng nhu cầu tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ giáo dục có chất lượng cho người khuyết tật. Thực hiện chuyển đổi số, thúc đẩy việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác giáo dục đào tạo các cấp.

- Giáo dục thường xuyên: Đẩy mạnh công tác hướng nghiệp, dạy nghề cho học viên tại các trung tâm. Tăng cường kiểm tra hoạt động liên kết đào tạo của trung tâm GDTX -GDNN tỉnh. Tiếp tục kiện toàn, nâng chất hoạt động của các trung tâm học tập cộng đồng. Đổi mới nội dung, hình thức giáo dục hướng nghiệp gắn với thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội và nhu cầu của thị trường lao động; thực hiện kết hợp dạy văn hóa phổ thông với dạy nghề hiệu quả, đúng quy định.

- Giáo dục nghề nghiệp: Tiếp tục đổi mới, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng đào tạo và hiệu quả của GDNN; phát triển hệ thống GDNN với nhiều phương thức và trình độ đào tạo nghề nghiệp, nhất là đào tạo chất lượng cao theo hướng ứng dụng, thực hành, bảo đảm đáp ứng nhu cầu nhân lực qua đào tạo cho thị trường lao động cả về số lượng, chất lượng, cơ cấu nghề và trình độ đào tạo. Cụ thể hóa các chủ trương, định hướng phát triển nguồn nhân lực, góp phần nâng cao năng lực của tỉnh và góp phần thực hiện chuyển dịch cơ cấu lao động, nâng cao thu nhập, giảm nghèo bền vững, đảm bảo an sinh xã hội.

- Giáo dục đại học: Phân đầu đến năm 2030, các Trường Đại học trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp sẽ trở thành những trường đại học theo hướng nghề nghiệp ứng dụng có uy tín trong vùng Nam Bộ. Là các trung tâm đào tạo nguồn nhân lực, nghiên cứu khoa học, chuyển giao sản phẩm khoa học công nghệ và cung ứng dịch vụ có uy tín, chất lượng; đảm bảo cho người học sau khi tốt nghiệp có trình độ và kỹ năng đáp ứng nhu cầu nhân lực của xã hội. Phân đầu Trường Đại học Đồng Tháp nằm trong nhóm đầu của các trường đại học về đào tạo giáo viên và ngôn ngữ; Trường Đại học Tiền Giang trở thành cơ sở đào tạo trọng điểm của vùng, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế; đồng thời, tiếp tục phát triển các nhóm nghiên cứu, đẩy mạnh chuyển giao công nghệ và chuyển đổi số trong các lĩnh vực nông nghiệp, y tế, kỹ thuật công nghệ, công nghiệp – xây dựng... góp phần giải quyết các vấn đề thực tiễn của địa phương và khu vực.

c) Y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân

Mục tiêu chung: Phát triển hệ thống y tế hiện đại và bền vững; kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền; thúc đẩy các kỹ thuật cao, chuyên sâu, hướng đến mục tiêu trọng tâm là nâng cao sức khỏe cộng đồng, trong đó y tế dự phòng là giải pháp then chốt, nhằm đảm bảo công bằng, hiệu quả trong bảo vệ, chăm sóc sức khỏe người dân.

Đẩy mạnh các giải pháp, bằng các nguồn lực từ ngân sách cũng như các nguồn lực xã hội hội, thực hiện các khâu đột phá trong phát triển lĩnh vực y tế, chăm sóc sức khỏe, bao gồm: (1) Liên kết; (2) Chuyên sâu; (3) Hiệu quả; (4) Đẩy mạnh đầu tư tư nhân.

Cụ thể phương hướng phát triển các lĩnh vực y tế:

(1) *Lĩnh vực khám chữa bệnh, phục hồi chức năng*: Phát triển cơ sở hạ tầng, đầu tư trang thiết bị hiện đại cho hệ thống y tế; Nâng cao chất lượng khám và điều trị, ứng dụng các kỹ thuật mới trong chẩn đoán, điều trị cho người bệnh; Tăng cường kết hợp y học cổ truyền và y học hiện đại trong phòng bệnh, chữa bệnh và phục hồi chức năng; Xây dựng chính sách thu hút nguồn nhân lực y tế, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao; Tăng cường liên kết, học hỏi chuyên môn từ các bệnh viện lớn trong và ngoài nước.

(2) *Lĩnh vực y học cổ truyền*: Xây dựng và đẩy mạnh thực hiện chương trình phát triển y học cổ truyền, tăng cường kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại trong điều trị, khám chữa bệnh và phục hồi chức năng, nâng cao sức khỏe. Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học y học cổ truyền theo tiêu chuẩn quốc tế; mở rộng đào tạo, hợp tác quốc tế về y học cổ truyền. Nâng cao nhận thức của người dân trong việc sử dụng y học cổ truyền đúng cách; Bảo tồn, phát triển nguồn dược liệu ở địa phương; tăng cường công tác kiểm tra, kiểm nghiệm chất lượng sơ chế, bào chế thuốc đông y..

(3) *Lĩnh vực y tế dự phòng*: Thực hiện tốt công tác y tế dự phòng, ứng phó với mô hình bệnh tật “kép” của bệnh lây nhiễm và bệnh không lây nhiễm; Phát triển mạng lưới y tế dự phòng đủ khả năng dự báo, giám sát, phát hiện và khống chế các dịch bệnh; Tăng cường hoạt động của Trung tâm kiểm soát bệnh tật và các trạm y tế xã/phường; Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục sức khỏe, thay đổi hành vi trong việc tự bảo vệ, chăm sóc sức khỏe của người dân.

(4) *Lĩnh vực dân số và phát triển*: Duy trì mức sinh và tỷ lệ giới tính khi sinh ở mức hợp lý, nâng cao chất lượng dân số, tận dụng hiệu quả cơ cấu dân số vàng và thích ứng với xu hướng già hóa dân số; Các chương trình về dân số, kế hoạch hóa gia đình và chăm sóc sức khỏe sinh sản được triển khai đồng bộ, gắn với nâng cao tầm vóc, thể lực và chất lượng cuộc sống người dân. Hệ thống dịch vụ dân số được củng cố từ tỉnh đến cơ sở, tăng cường chăm sóc sức khỏe sinh sản, sàng lọc trước sinh và sơ sinh, đồng thời chú trọng cải thiện dinh dưỡng và phòng chống bệnh tật. Công tác chăm sóc sức khỏe người cao tuổi và truyền thông dân số được đẩy mạnh với nhiều hình thức đa dạng, ứng dụng công nghệ số và phát huy mạng lưới cơ sở. Đồng thời, hệ thống thông tin và dữ liệu dân số tiếp tục được hoàn thiện nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, dự báo và hoạch định chính sách dài hạn.

(5) *Lĩnh vực kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm*: Nâng cao năng lực của các tổ chức, cơ quan làm công tác kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm; Đẩy mạnh công tác giám sát, thanh tra, kiểm tra xử lý vi phạm pháp luật về an toàn thực phẩm. Tăng cường công tác thanh kiểm tra công tác quản lý chất lượng thuốc ở tất cả các khâu, tại các cơ sở khám chữa bệnh, sản xuất, kinh doanh thuốc trên địa bàn đảm bảo phát hiện kịp thời thuốc kém chất lượng, thuốc giả, thuốc không rõ

nguồn gốc. Tăng cường phối hợp liên ngành trong công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm liên quan đến thuốc, vệ sinh an toàn thực phẩm.

(6) *Lĩnh vực giám định pháp y, giám định y khoa*: Đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất cho các Trung tâm giám định y khoa, Trung tâm pháp y nhằm nâng cao chất lượng công tác giám định pháp y, giám định y khoa, xác định thương tật, giám định khả năng lao động, giám định mất sức lao động cho các đối tượng có yêu cầu; Phối hợp chặt chẽ với các ngành có liên quan thực hiện tốt các chức năng giám định pháp lý. đối với các trường hợp thương tổn và tử vong mang tính pháp lý hình sự. Thực hiện tốt công tác giải phẫu bệnh lý, chẩn đoán sau tử vong.

(7) *Lĩnh vực dược*: Phát triển công nghiệp dược trong tỉnh, cơ bản đáp ứng về nhu cầu sử dụng thuốc thuộc danh mục thuốc thiết yếu và thuốc phục vụ cho các chương trình mục tiêu y tế; Phát triển các vùng dược liệu, các cơ sở sản xuất nguyên liệu hóa dược để chủ động các nguồn nguyên liệu cho sản xuất thuốc; Khuyến khích các doanh nghiệp sản xuất dược phẩm trên địa bàn Tỉnh nâng cao năng lực sản xuất, đa dạng hóa sản phẩm; Đầu tư mạnh mẽ cho công tác nghiên cứu và phát triển (R&D).

(8) *Phát triển công nghệ thông tin trong y tế*: Triển khai đồng bộ chuyển đổi số trong ngành y tế, hướng tới xây dựng hệ thống y tế thông minh, hiện đại, bảo đảm cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe hiệu quả, kịp thời cho người dân. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo, Big Data trong khám chữa bệnh, quản lý y tế và phòng, chống dịch bệnh; phát triển khám chữa bệnh từ xa, bệnh án điện tử và hệ thống điều hành y tế thông minh. Thực hiện số hóa toàn diện quy trình nghiệp vụ, hồ sơ sức khỏe điện tử gắn với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, bảo đảm quản lý sức khỏe người dân liên tục, suốt đời. Hoàn thiện hệ thống thông tin, thống kê y tế phục vụ công tác quản lý, dự báo và hoạch định chính sách dựa trên dữ liệu. Đồng thời, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin và đẩy mạnh phát triển các ứng dụng số phục vụ người dân, góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ y tế và đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới. 2.4. Văn hóa, thể thao.

d) Văn hóa, thể thao

Mục tiêu về phát triển Văn hóa: Các cấp hành chính đều có quỹ đất theo quy định dành cho hoạt động Văn hóa và xây dựng thiết chế Văn hóa cơ sở; tiếp tục đầu tư tu bổ, nâng cấp, xây mới thiết chế Văn hóa cho các cấp hành chính.

+ Cấp tỉnh: Hoàn thiện, tu bổ, nâng cấp trang thiết bị cho các thiết chế Văn hóa hiện có nhằm phục vụ tốt hơn nữa quần chúng nhân dân. Ứng dụng các thành tựu công nghệ vào các lĩnh vực bảo tàng, thư viện (thư viện số).

+ Cấp xã phường: Hoàn thiện, nâng cấp trang thiết bị cho 102 Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã tại 102 xã, phường trên địa bàn tỉnh.

Định hướng phát triển hạ tầng Văn hóa: Phát triển hệ thống bảo tàng theo mô hình thống nhất, chuyên đề hóa nội dung trưng bày, gắn với bảo tồn di sản và phát triển du lịch văn hóa. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động bảo tàng và thư viện, xây dựng dữ liệu số, trưng bày tương tác và dịch vụ truy cập trực tuyến. Phát triển hệ thống rạp chiếu phim và nhà hát hiện đại, hình thành nhà hát tổng hợp cấp tỉnh và mở rộng mạng lưới không gian biểu diễn. Xây dựng hệ thống thư viện hiện đại, kết nối toàn tỉnh, phát triển thư viện số và mạng lưới điểm đọc phục vụ cộng đồng. Tăng cường liên kết văn hóa – du lịch – công nghiệp văn hóa, từng bước nâng cấp cơ sở vật chất và mở rộng khả năng tiếp cận của người dân.

Mục tiêu về phát triển thể dục thể thao: Mở rộng các hoạt động thể dục thể thao quần chúng; tạo sự chuyển biến rõ rệt về giáo dục thể chất trường học; tích cực phát triển thể dục thể thao trong lực lượng vũ trang, góp phần đảm bảo an ninh - quốc phòng.

+ Cấp tỉnh: Duy tu, bảo dưỡng các công trình hiện có. Nâng cấp các công trình TDTT tại khu Liên hợp TDTT Tỉnh.

+ Cấp xã phường: 80% số đơn vị cấp xã có Trung tâm Văn hoá - Thể thao; hoàn thành và đưa vào sử dụng 3 công trình thể thao cơ bản gồm: Nhà tập luyện – thi đấu TDTT, sân bóng đá 11 người, bể bơi.

Định hướng phát triển Thể dục thể thao:

+ Thể thao quần chúng: Phát huy vai trò TDTT trong phát triển kinh tế – xã hội, nâng cao sức khỏe và chất lượng nguồn nhân lực; Đẩy mạnh giáo dục thể chất trường học và phong trào TDTT quần chúng, hình thành thói quen tập luyện trong nhân dân; Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, nguồn nhân lực và xã hội hóa TDTT, mở rộng hoạt động thể thao trong cộng đồng.

+ Thể thao thành tích cao: Đầu tư phát triển các môn thể thao trọng điểm, ưu tiên các môn Olympic, ASIAD và thế mạnh của Đồng Tháp; Xây dựng hệ thống tuyển chọn, đào tạo VĐV từ cơ sở đến cấp tỉnh; Đầu tư cơ sở vật chất, ứng dụng khoa học – công nghệ và đẩy mạnh xã hội hóa, nâng cao hiệu quả thể thao thành tích cao.

đ) Du lịch

Phát triển du lịch trở thành một ngành kinh tế quan trọng của Tỉnh, có vai trò thúc đẩy tăng trưởng và lan tỏa động lực cho các ngành khác, tập trung hướng đến mục tiêu bền vững – sáng tạo – đột phá – chuyên nghiệp.

Phát triển du lịch gắn với yêu cầu bảo vệ môi trường, giảm thiểu tác động tiêu cực đến hệ sinh thái tự nhiên, đồng thời góp phần cải thiện, phục hồi và phát huy giá trị hệ sinh thái. Chú trọng bảo tồn và khai thác hiệu quả các di tích lịch sử, văn hóa, các giá trị văn hóa bản địa, tăng cường đa dạng sinh học và chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu.

Phát triển đa dạng loại hình du lịch, bao gồm du lịch sinh thái, du lịch nông nghiệp – nông thôn, du lịch cộng đồng, du lịch nghỉ dưỡng, du lịch biển, du lịch thể thao – văn hóa, du lịch tâm linh, du lịch chăm sóc sức khỏe và chữa bệnh. Phát triển du lịch nông nghiệp và nông thôn dựa trên khai thác hiệu quả tiềm năng đặc trưng của từng địa phương. Việc xây dựng sản phẩm du lịch cần chú trọng tính khác biệt, tránh trùng lặp, gắn với mô hình nông nghiệp xanh, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp công nghệ cao, kết hợp với làng nghề, sản phẩm đặc sản địa phương và quà lưu niệm nhằm tăng giá trị và tính bền vững.

Không gian phát triển du lịch cần định hướng tổ chức theo hướng liên kết vùng, mở rộng các khu vực có tiềm năng để hình thành những vùng động lực, tuyến – điểm du lịch liên hoàn, lan tỏa phát triển du lịch trên toàn địa bàn, tạo kết nối du lịch liên vùng, liên tỉnh và quốc tế, tạo ra mạng lưới du lịch rộng mở, đặc biệt với các khu vực lân cận trong Đồng bằng sông Cửu Long, TP. Hồ Chí Minh và các nước láng giềng.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, chuyển đổi số trong quản lý, vận hành và xúc tiến du lịch. Song song đó, phát triển du lịch hướng đến tính chuyên nghiệp – chất lượng – hiệu quả, gắn kết chặt chẽ với hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao, các di tích lịch sử và các nguồn lực xã hội khác. Nguồn nhân lực du lịch cần nâng cao chất lượng, đáp ứng yêu cầu phát triển trong bối cảnh mới.

Một số chỉ tiêu đến năm 2030:

- Tổng lượt khách đến năm 2030: 50 triệu, tăng bình quân 9%. Trong đó, có 6 triệu lượt khách quốc tế, tăng bình quân 15%.

- Tổng thu du lịch cả giai đoạn đạt 35 ngàn tỷ đồng, tăng bình quân 10%. có ít nhất 60.000 lao động trong lĩnh vực du lịch, trong đó có khoảng 15.000 lao động trực tiếp.

- Đến năm 2030 có khoảng 700 cơ sở lưu trú, với 15.000 phòng đủ điều kiện phục vụ khách du lịch.

e) Khoa học và công nghệ

Phát triển khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh Đồng Tháp theo hướng đồng bộ, toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm; bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương và xu thế phát triển chung của cả nước.

Xác định ba trụ cột khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số là nền tảng và động lực then chốt cho phát triển nhanh, bền vững của tỉnh trong giai đoạn mới; là giải pháp trọng tâm nhằm tạo đột phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

Định hướng vai trò của từng trụ cột như sau:

- Khoa học và công nghệ giữ vai trò nền tảng, tạo ra tri thức, công nghệ và các giải pháp mới phục vụ phát triển kinh tế xã hội.

- Đổi mới sáng tạo là động lực thúc đẩy ứng dụng, thương mại hóa kết quả nghiên cứu, nâng cao giá trị gia tăng và năng lực cạnh tranh của sản phẩm, doanh nghiệp và ngành hàng.

- Chuyển đổi số là phương thức tổ chức, quản trị và vận hành hiện đại, góp phần lan tỏa và gia tăng hiệu quả của các kết quả phát triển đến toàn xã hội.

Ưu tiên ứng dụng mạnh mẽ khoa học, công nghệ và đẩy nhanh chuyển đổi số trong các ngành, lĩnh vực trọng điểm của tỉnh; tập trung vào nông nghiệp công nghệ cao, công nghệ sinh học và các lĩnh vực có tiềm năng tạo sản phẩm chủ lực có giá trị gia tăng cao, đáp ứng tiêu chuẩn thị trường trong nước và quốc tế.

Xác định trí tuệ nhân tạo (AI) là công nghệ lõi, hạt nhân xuyên suốt trong chiến lược chuyển đổi số và phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo của ngành Khoa học và Công nghệ; trong đó, lấy việc đầu tư, hiện đại hóa các hệ thống nền tảng và cơ sở dữ liệu dùng chung làm hạ tầng kỹ thuật thiết yếu để tạo đột phá trong năng lực nghiên cứu, quản lý chuyên ngành. Thông qua việc tích hợp sâu các giải pháp công nghệ cao vào quy trình vận hành, ngành tập trung thúc đẩy ứng dụng các thành tựu khoa học vào thực tiễn đời sống kinh tế - xã hội, đồng thời cải cách triệt để công tác quản lý hành chính theo hướng tinh gọn, thông minh, đảm bảo tính liên thông, minh bạch và nâng cao hiệu quả quản trị nhà nước trong kỷ nguyên số.

Đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện gắn với phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số; phát triển hạ tầng số hiện đại, đồng bộ, an toàn; đưa kinh tế số trở thành một trụ cột quan trọng của nền kinh tế tỉnh. Phấn đấu đến năm 2030 cơ bản hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu số trên các lĩnh vực, bảo đảm kết nối, chia sẻ, khai thác hiệu quả phục vụ quản trị và phát triển.

Chú trọng huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực xã hội để phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp theo hướng toàn diện; tăng cường liên kết, hợp tác với các viện nghiên cứu, trường đại học, trung tâm đổi mới sáng tạo trong và ngoài nước; thúc đẩy chuyển giao công nghệ, nâng cao năng lực hấp thụ công nghệ của doanh nghiệp và cộng đồng.

Phát triển kỹ năng số cho người dân; triển khai hiệu quả phong trào “Bình dân học vụ số”, góp phần hình thành xã hội học tập số, nâng cao năng lực tham gia và thụ hưởng chuyển đổi số của người dân, doanh nghiệp.

Phấn đấu cải thiện rõ rệt thứ hạng Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII); nâng cao đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng

trường GRDP, gắn với nâng cao chất lượng tăng trưởng và năng lực cạnh tranh của tỉnh.

Bảo đảm bố trí nguồn lực tương xứng cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; dành tối thiểu 3% tổng chi ngân sách hằng năm cho lĩnh vực này; đồng thời đa dạng hóa nguồn lực, khuyến khích hợp tác công tư và thu hút đầu tư của doanh nghiệp cho nghiên cứu, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

g) An sinh xã hội

Tập trung thực hiện các chính sách an sinh xã hội nhất là các đối tượng bảo trợ xã hội tại cộng đồng; tổ chức thực hiện tốt nuôi dưỡng tập trung người già không nơi nương tựa, trẻ em mồ côi bị bỏ rơi; Khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng nhà ở xã hội, cơ sở bảo trợ; Phát triển, đa dạng các loại hình từ thiện, nhân đạo; Tuyên truyền nâng cao nhận thức của cộng đồng, xã hội trong việc giúp đỡ người bị thiệt thòi trong cuộc sống hàng ngày; Tiếp tục triển khai thực hiện tốt Pháp lệnh người cao tuổi, các đề án trợ giúp người tàn tật, đề án chăm sóc trẻ em đặc biệt khó khăn; Nâng cấp, mở rộng quy mô và xây dựng hiện đại hóa Trung tâm Bảo trợ xã hội; Kịp thời tổ chức cứu trợ những người gặp rủi ro, bất hạnh do thiên tai, lũ lụt, hoả hoạn.

h) An ninh quốc phòng

Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên nền tảng củng cố cơ sở vật chất và lực lượng, xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc. Giữ vững ổn định chủ quyền biên giới quốc gia; mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế. Xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển. Xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn, đảm bảo cuộc sống bình yên, hạnh phúc của nhân dân.

Xây dựng lực lượng vũ trang tỉnh vững mạnh toàn diện, có sức mạnh tổng hợp và trình độ, khả năng sẵn sàng chiến đấu cao, không để bị động, bất ngờ và xử lý kịp thời, hiệu quả các tình huống, không để trở thành “điểm nóng” về an ninh, trật tự, bảo đảm giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Xây dựng lực lượng công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại; nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của đội ngũ công an xã chính quy. Tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông, giảm thiểu tai nạn giao thông.

Nâng cao trách nhiệm của cả hệ thống chính trị trong công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo. Tập trung giải quyết hiệu quả các vụ việc khiếu nại, tố cáo mới phát sinh, giải quyết dứt điểm các vụ việc khiếu nại, tố cáo tồn đọng, kéo dài.

3. Phương hướng tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội

a) Phân vùng kinh tế, xã hội

Định hướng phát triển 05 phân vùng kinh tế - xã hội, gồm:

(1) Phân vùng kinh tế - xã hội trung tâm dọc sông Tiền

Phân vùng có phạm vi bao gồm **12 phường**: Cao Lãnh, Mỹ Trà, Mỹ Ngãi, Cai Lậy, Nhị Quý, Mỹ Phước Tây, Thanh Hòa, Mỹ Tho, Đạo Thạnh, Thới Sơn, Mỹ Phong, Trung An; và **35 xã**: An Hòa, An Long, Phú Thọ, Tân Long, Tân Thạnh, Thanh Bình, Bình Thành, Phong Mỹ, Mỹ Thọ, Bình Hàng Trung, Mỹ Hiệp, Thanh Hưng, Mỹ Lợi, Mỹ Đức Tây, An Hữu, Hội Cư, Cái Bè, Bình Phú, Hiệp Đức, Tân Phú, Long Tiên, Ngũ Hiệp, Vĩnh Kim, Kim Sơn, Bình Trung, Long Định, Long Hưng, Châu Thành, Tân Hương, Mỹ Tịnh An, Lương Hòa Lạc, Chợ Gạo, Bình Ninh, Tân Thuận Bình, An Thạnh Thủy.

Là vùng động lực trung tâm của tỉnh, tập trung phát triển kinh tế đô thị, công nghiệp chế biến, thương mại dịch vụ, logistics, du lịch, đồng thời thúc đẩy công nghiệp công nghệ cao và chuyên đổi số. Hình thành chuỗi không gian đô thị – công nghiệp – dịch vụ liên hoàn dọc sông Tiền, gắn với các khu, cụm công nghiệp công nghệ cao và khu công nghệ số tập trung, phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, nghiên cứu – đào tạo và hạ tầng số phục vụ sản xuất, logistics và thương mại. Phát triển vùng nông nghiệp và thủy sản công nghệ cao thích ứng ngọt – lợ, gắn truy xuất nguồn gốc, quản trị chuỗi giá trị và chế biến chất lượng cao; phát triển trung tâm thương mại nông sản, logistics cảng sông, cảng biển. Đẩy mạnh du lịch sinh thái ven sông Tiền từ An Long đến An Hữu, kết nối hệ thống cồn, vườn cây, vùng nuôi trồng và các di tích văn hóa – lịch sử. Tăng cường kết nối giao thương liên vùng giữa vùng Đông Nam Bộ và ĐBSCL, từ khu vực cửa khẩu phía Bắc đến cửa biển phía Đông.

(2) Phân vùng kinh tế - xã hội Nam sông Tiền và Bắc sông Hậu

Phân vùng có phạm vi bao gồm **01 phường**: Sa Đéc và **10 xã**: Lấp Vò, Lai Vung, Hòa Long, Phong Hòa, Mỹ An Hưng, Tân Khánh Trung, Tân Dương, Phú Hựu, Tân Thuận Đông, Tân Phú Trung.

Là vùng trung tâm logistics giữa sông Tiền, sông Hậu gắn với công nghiệp chế biến nông sản và làng nghề truyền thống, giữ vai trò cửa ngõ giao thương đường thủy phía Tây Nam của tỉnh, kết nối trực tiếp với TP. Cần Thơ và mạng lưới logistics vùng ĐBSCL. Định hướng phát triển theo mô hình logistics – chế biến – thương mại – dịch vụ, trong đó phát triển đô thị trung tâm Sa Đéc là hạt nhân tổ chức không gian; liên kết với đô thị mới Lấp Vò và các đô thị Định Yên, Hòa Long, Tân Thành, Mỹ An Hưng B, Tân Khánh Trung, Cái Tàu Hạ là các cực chức năng hỗ trợ. Từng bước định hướng hình thành trung tâm logistics đường thủy cấp vùng gắn hệ thống cảng sông, kho bãi, trung chuyển và phân phối nông

sản; đồng thời phát triển công nghiệp chế biến sâu, thực phẩm, đồ uống và kho lạnh gắn với vùng nguyên liệu cây ăn quả có múi. Thúc đẩy chuyển đổi số trong logistics và chuỗi cung ứng nông sản nhằm nâng cao hiệu quả kết nối thị trường và gia tăng giá trị. Song song đó, bảo tồn và phát huy các làng nghề truyền thống theo hướng kết hợp sản xuất, thương mại và du lịch trải nghiệm ven sông, gắn với quản lý bền vững tài nguyên, bảo vệ hành lang sông Tiền, sông Hậu và môi trường sinh thái.

(3) Phân vùng kinh tế nông nghiệp sinh thái Đồng Tháp Mười

Phân vùng có phạm vi bao gồm **18 xã**: Tam Nông, Tràm Chim, Phú Cường, Trường Xuân, Phương Thịnh, Ba Sao, Mỹ Quý, Tháp Mười, Đốc Bình Kiều, Thanh Mỹ, Mỹ Thiện, Hậu Mỹ, Mỹ Thành, Thạnh Phú, Tân Phước 1, Tân Phước 2, Tân Phước 3, Hưng Thạnh.

Là phân vùng nông nghiệp sinh thái trọng điểm, ứng dụng công nghệ cao gắn với bảo tồn hệ sinh thái đất ngập nước, giữ vai trò quan trọng trong bảo đảm an ninh lương thực, dự trữ nước ngọt và thích ứng với biến đổi khí hậu của tỉnh và vùng ĐBSCL. Phát triển phân vùng theo mô hình nông nghiệp sinh thái – công nghệ cao – bảo tồn hệ sinh thái, lấy đô thị mới Tháp Mười làm hạt nhân tổ chức không gian, kết nối với các đô thị Tràm Chim, Trường Xuân, Mỹ Phước nhằm hỗ trợ dịch vụ, chế biến và nghiên cứu khoa học cho vùng sản xuất nông nghiệp tập trung. Đây đồng thời là khu vực hạt nhân bảo tồn và phát huy giá trị hệ sinh thái Đồng Tháp Mười, kết hợp phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và đa dạng sinh kế nông thôn.

(4) Phân vùng kinh tế biển

Phân vùng có phạm vi bao gồm **04 phường**: Gò Công, Long Thuận, Sơn Qui, Bình Xuân; và **12 xã**: Đồng Sơn, Vĩnh Bình, Vĩnh Hựu, Phú Thành, Tân Thới, Long Bình, Tân Hòa, Tân Đông, Gia Thuận, Tân Điền, Gò Công Đông, Tân Phú Đông.

Là vùng kinh tế ven biển tổng hợp, phát triển công nghiệp, dịch vụ cảng biển, logistics, công nghiệp đóng tàu, nuôi trồng và chế biến thủy sản nước mặn – lợ, gắn với khai thác hợp lý tài nguyên biển và cửa sông. Phân vùng giữ vai trò quan trọng trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng kinh tế xanh, kinh tế biển bền vững, đồng thời là không gian thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng của tỉnh. Định hướng hình thành khu kinh tế biển làm động lực tăng trưởng, tạo sức lan tỏa thúc đẩy phát triển các ngành, lĩnh vực liên quan, tăng cường thu hút đầu tư, liên kết vùng và nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh.

(5) Phân vùng kinh tế - xã hội biên giới

Phân vùng có phạm vi bao gồm **03 phường**: Hồng Ngự, Thường Lạc, An Bình và **07 xã**: Thường Phước, Long Khánh, Long Phú Thuận, An Phước, Tân Hồng, Tân Hộ Cơ, Tân Thành.

Là vùng kinh tế biên giới tổng hợp, đa ngành, giữ vai trò đầu mối giao thương quốc tế và cửa ngõ đối ngoại phía Bắc của tỉnh và vùng ĐBSCL với Vương quốc Campuchia, gắn với hệ thống cửa khẩu đường bộ và đường thủy trên trục sông Mê Kông. Phân vùng được định hướng phát triển theo chiến lược khai thác lợi thế biên giới để hình thành cực tăng trưởng phía Bắc kết hợp phát triển công nghiệp, thương mại – dịch vụ biên mậu, logistics, nông nghiệp và thủy sản thích ứng lũ, trong đó tập trung phát triển Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Tháp, tạo động lực lan tỏa phát triển kinh tế – xã hội cho toàn tỉnh. Đồng thời bảo đảm hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế, ổn định sinh kế, an ninh biên giới và tăng cường liên kết vùng, liên quốc gia.

b) Hành lang kinh tế

Gồm 05 hành lang kinh tế:

- **Hành lang kinh tế trung tâm (dọc theo tuyến cao tốc và Quốc lộ 1):** Hành lang phát triển chủ đạo, kết nối vùng Đông Nam bộ, vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Ưu tiên phát triển công nghiệp đa ngành, công nghệ cao, hình thành các trung tâm logistics cấp vùng và các đô thị hiện đại. Tập trung hoàn thiện hạ tầng kết nối với các tuyến cao tốc, Quốc lộ 1, đồng thời thu hút đầu tư lấp đầy và mở rộng các khu, cụm công nghiệp lớn trên địa bàn vùng Châu Thành, Tân Phước. Phát triển đô thị vùng Mỹ Tho, Cao Lãnh trở thành hai trung tâm dịch vụ, thương mại sầm uất, là hạt nhân lan tỏa phát triển cho toàn hành lang.

- **Hành lang kinh tế ven biển phía Đông (dọc theo tuyến đường bộ ven biển và Quốc lộ 50):** Hành lang chiến lược phát triển kinh tế biển, ưu tiên phát triển khu kinh tế ven biển, công nghiệp cảng biển, điện gió, du lịch nghỉ dưỡng, đô thị biển và các dự án lấn biển, theo hướng năng động, hiện đại, thích ứng với biến đổi khí hậu. Giải pháp trọng tâm là đẩy nhanh việc hình thành Khu kinh tế ven biển Gò Công (15.000 ha) để phát triển công nghiệp cảng biển, năng lượng, dịch vụ hậu cần, hoàn thiện tuyến đường bộ ven biển và ban hành các cơ chế, chính sách đột phá để thu hút các nhà đầu tư chiến lược vào lĩnh vực này.

- **Hành lang kinh tế dọc sông Tiền (từ biên giới đến cửa biển):** Hành lang phát triển kinh tế dựa vào lợi thế “mặt tiền sông nước”, mang bản sắc đặc trưng của tỉnh. Ưu tiên phát triển du lịch sinh thái, nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chế biến nông thủy sản và logistics đường thủy. Tập trung đầu tư, đặt trọng tâm là kết nối chuỗi đô thị Thường Phước, Hồng Ngự, Thanh Bình, Cao Lãnh, Mỹ Tho, Sa Đéc, Hòa Long, Phú Hựu, An Hữu, Cái Bè, Bình Phú, Mỹ Tho, Chợ Gạo, Gò Công, An Long thông qua định hướng nâng cấp hệ thống cảng, bến thủy nội địa và mạng lưới giao thông để phát huy giá trị cảnh quan, văn hóa, lịch sử ven sông. Ngoài ra, hình thành Khu kinh tế - công nghiệp cửa khẩu Thường Phước (khoảng 5.000 ha) với trọng tâm là công nghiệp cảng biển, dịch vụ hậu cần.

- **Hành lang kinh tế nội địa kết nối vùng Đồng Tháp Mười (dọc theo Quốc lộ N1, N2, Quốc lộ 30):** Hành lang phát triển nông nghiệp hàng hóa quy mô lớn, đảm bảo an ninh lương thực và là vùng đệm sinh thái quan trọng. Ưu tiên phát triển các vùng chuyên canh lúa - đặc biệt là lúa chất lượng cao, trái cây, thủy sản nước ngọt và hình thành các trung tâm chế biến, đầu mối nông sản cấp vùng. Đặt trọng tâm là xây dựng nền nông nghiệp sinh thái, hiện đại, tuần hoàn, bảo tồn đa dạng sinh học và thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu. Các giải pháp chính là hoàn thiện các tuyến giao thông N1, N2, Quốc lộ 30 và triển khai hiệu quả Đề án phát triển bền vững một triệu héc-ta chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030.

- **Hành lang kinh tế dọc sông Hậu:** Hành lang phát triển dịch vụ logistics đa phương thức, kết nối với hệ thống cảng biển của vùng, gắn với công nghiệp chế biến và công nghiệp đóng tàu. Ngoài ra, nhiệm vụ trọng tâm là đầu tư hạ tầng kết nối với các cụm cảng trên sông Hậu và phát triển các khu, cụm công nghiệp gắn với các trung tâm logistics nhằm liên kết sang hành lang kinh tế biển phía Đông.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG ĐÔ THỊ VÀ TỔ CHỨC LÃNH THỔ KHU VỰC NÔNG THÔN

1. Định hướng phát triển hệ thống đô thị

Phát triển hệ thống đô thị – nông thôn của tỉnh Đồng Tháp sau sáp nhập được định hướng phù hợp với yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế; góp phần thực hiện mục tiêu đến năm 2030 xây dựng nền kinh tế năng động, công nghiệp hiện đại, phát triển nhanh và bền vững. Đô thị được xác định là các cực tăng trưởng chủ đạo, giữ vai trò dẫn dắt, lan tỏa và nâng cao chất lượng tăng trưởng của toàn tỉnh, bảo đảm mức đóng góp ngày càng lớn của vùng vào tăng trưởng quốc gia giai đoạn 2026–2030.

(1) Giai đoạn đến năm 2030:

Hình thành và củng cố mạng lưới đô thị gồm **06 đô thị trung tâm** (hình thành từ 20 phường) là Mỹ Tho, Gò Công, Cai Lậy, Hồng Ngự, Cao Lãnh, Sa Đéc, Cái Bè và **29 đô thị thuộc xã** gồm Cái Bè, Tân Hiệp, Vàm Láng, Thường Thới Tiền, Thường Phước, Lấp Vò, Vĩnh Thạnh, An Hữu, Mỹ An, Bình Phú, Mỹ Phước, Chợ Gạo, Vĩnh Bình, Tân Hòa, Sa Rài, Tràm Chim, Thanh Bình, Mỹ Thọ, Hòa Long, Cái Tàu Hạ, Vĩnh Kim, Dinh Bà, An Long, Trường Xuân, Mỹ Hiệp, Mỹ An Hưng B, Tân Khánh Trung, Định Yên, Tân Thành;

Tỷ lệ đô thị hóa ước đạt khoảng 34%, phù hợp khả năng cân đối vốn đầu tư, thu hút đầu tư và năng lực quản lý đô thị, theo hướng ưu tiên ổn định, nâng cao chất lượng hệ thống đô thị trung tâm và phát triển theo chiều sâu để giảm áp

lực hạ tầng, bảo đảm hiệu quả đầu tư công, tạo nền tảng bền vững cho giai đoạn sau.

(2) Định hướng giai đoạn sau năm 2030:

Tiếp tục hoàn thiện 06 đô thị trung tâm; định hướng **hình thành 08 đô thị mới** (định hướng lên đô thị loại III toàn xã) gồm Châu Thành, Gia Thuận, Tháp Mười, Lấp Vò, Thường Phước, An Hữu, Cái Bè, Chợ Gạo; đồng thời **công nhận thêm 14 đô thị thuộc xã** gồm Thiên Hộ, Tân Tây, Tân Điền, Long Bình, Đồng Sơn, Bến Tranh, Long Định, Phú Mỹ, Long Trung, Mỹ Thành Nam, Tân Phú Đông, Tân lập 1, Phong Hòa, Nha Môn;

Hướng tới **tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2050 khoảng 49%**. Phát triển hệ thống đô thị phải bảo đảm tính liên kết, đồng bộ giữa các đô thị trong tỉnh, gắn với quá trình sắp xếp đơn vị hành chính, đồng thời coi trọng mối quan hệ tương hỗ đô thị – nông thôn. Tổ chức không gian đô thị, nông thôn gắn chặt với tổ chức không gian và phân vùng phát triển kinh tế – xã hội; kết hợp hài hòa với việc triển khai các chương trình mục tiêu quốc gia, nhất là xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững.

Việc phát triển hệ thống đô thị và khu dân cư nông thôn được thực hiện song hành với nhiệm vụ bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội; phát triển hài hòa nhưng có trọng tâm, trọng điểm để tạo sức mạnh tổng hợp thúc đẩy tăng trưởng kinh tế – xã hội toàn vùng, nâng cao năng lực cạnh tranh. Định hướng phát triển phải phù hợp với cơ cấu phân bố các vùng kinh tế, tạo nền tảng kinh tế – kỹ thuật đủ mạnh để hình thành các cực, trục và hành lang động lực.

Tăng cường liên kết nội vùng và liên vùng thông qua phát triển các vùng đô thị tích hợp, các hành lang đô thị – kinh tế và mạng lưới trung tâm – vệ tinh. Hệ thống đô thị và khu dân cư nông thôn phải được kết nối liên hoàn với mạng lưới giao thông quốc gia, đường tỉnh, đường liên khu vực; hạn chế các tuyến đường “độc đạo”, hình thành nhiều hướng, nhiều trục giao lưu để nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ đô thị và thị trường. Sự hình thành và phát triển đô thị, khu dân cư nông thôn phải gắn với không gian vùng sản xuất, hỗ trợ phát triển chuỗi giá trị và đồng thời đáp ứng yêu cầu bảo vệ an ninh, quốc phòng và môi trường sinh thái.

Phát triển đô thị và nông thôn theo nguyên lý bảo tồn hệ sinh thái đặc trưng vùng Đồng Tháp Mười, tăng cường quản lý tổng hợp tài nguyên nước; sử dụng hiệu quả đất đai, năng lượng, thúc đẩy mô hình đô thị tăng trưởng xanh, kinh tế tuần hoàn và thích ứng với biến đổi khí hậu. Nâng cao chất lượng sống của người dân, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa – kiến trúc riêng của đô thị vùng Đồng bằng sông Cửu Long; đồng thời tăng cường năng lực chống chịu của đô thị và nông thôn trước các rủi ro thiên tai, nước biển dâng và các tác động khác của biến đổi khí hậu.

Về trung tâm hành chính cấp tỉnh và cấp xã, phường: việc nghiên cứu, xác định và đề xuất vị trí dự kiến các trung tâm hành chính cấp tỉnh, cấp xã, phường sẽ được tiếp tục triển khai, rà soát và cụ thể hóa tại các đồ án quy hoạch cấp dưới. Nội dung nghiên cứu, điều chỉnh nhằm bảo đảm phù hợp với điều kiện phát triển, định hướng tổ chức không gian và khả năng kết nối hạ tầng của từng khu vực; đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý, điều hành và tổ chức hoạt động của chính quyền địa phương.

2. Định hướng tổ chức lãnh thổ khu vực nông thôn

Xây dựng nông thôn tỉnh Đồng Tháp phù hợp với Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới với mục tiêu chung: Xây dựng nông thôn mới có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội từng bước hiện đại với các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ; gắn phát triển nông thôn với đô thị theo quy hoạch; xã hội nông thôn dân chủ, ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; môi trường sinh thái được bảo vệ; an ninh - trật tự được giữ vững; nâng cao đời sống vật chất và tinh thần.

Định hướng xây dựng phát triển nông nghiệp, nông thôn theo hướng hiện đại, bền vững, sản xuất hàng hóa lớn gắn với xây dựng nông thôn mới, có khả năng cạnh tranh cao, thích ứng với biến đổi khí hậu. Đẩy mạnh tích tụ, tập trung đất đai phát triển nông nghiệp quy mô lớn, công nghệ cao. Hình thành các vùng chuyên canh hàng hóa chất lượng cao, đạt các tiêu chuẩn về an toàn sản phẩm, gắn sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị; thúc đẩy tăng trưởng, nâng cao giá trị gia tăng của các sản phẩm nông, lâm, thủy sản có tiềm năng, lợi thế, có thị trường tiêu thụ. Đồng thời, thúc đẩy và mở rộng các mô hình liên kết chuỗi giá trị giữa nông dân, hợp tác xã, doanh nghiệp và thị trường.

Định hướng phát triển hạ tầng nông thôn theo hướng đồng bộ, hiện đại, ưu tiên đầu tư hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội gồm giao thông nông thôn, thủy lợi, điện, nước, viễn thông, y tế, giáo dục và chợ nông thôn, nhằm tạo nền tảng vững chắc cho sản xuất, nâng cao chất lượng đời sống và khả năng tiếp cận thị trường. Tổ chức quy hoạch các khu dân cư nông thôn gắn với trung tâm xã, phát triển theo hướng văn minh, xanh và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Đẩy mạnh phát triển nông nghiệp hữu cơ, nông sản sạch, kết hợp xây dựng thương hiệu nông sản tỉnh Đồng Tháp. Đồng thời, hình thành hệ thống logistics nông sản hiện đại gồm kho lạnh, vận tải nhanh, cảng chuyên dụng và các hạ tầng dịch vụ khác hỗ trợ tiêu thụ, xuất khẩu.

Đẩy mạnh chuyển đổi số trong nông nghiệp, ứng dụng công nghệ phân tích dữ liệu mùa vụ, tự động hóa sản xuất và truy xuất nguồn gốc; tăng cường đầu tư R&D, tạo ra giống cây trồng, vật nuôi chất lượng cao, thích ứng khí hậu. Ưu tiên

áp dụng công nghệ tưới tiết kiệm nước và mô hình nông nghiệp thông minh tại các vùng khô hạn.

Phát triển nguồn nhân lực nông thôn, chú trọng đào tạo lực lượng nông dân trẻ, nâng cao kỹ năng công nghệ và quản trị sản xuất gắn với hệ thống giáo dục, đào tạo nghề nông nghiệp. Đồng thời hoàn thiện cơ chế, chính sách hỗ trợ tiếp cận tín dụng, bảo hiểm nông nghiệp và quản lý rủi ro, thúc đẩy chuyển đổi sang nền nông nghiệp sinh thái, thông minh và có thương hiệu.

V. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC KHU CHỨC NĂNG

a) Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Đồng Tháp

Khu kinh tế cửa khẩu có quy mô khoảng 31.936 ha, với phạm vi lập quy hoạch bao gồm 07 xã, phường: toàn bộ diện tích xã Thường Phước và một phần diện tích các xã Tân Hồng, xã Tân Hộ Cơ, xã Tân Thành; toàn bộ diện tích các phường Hồng Ngự, phường Thường Lạc, phường An Bình.

Hình thành Khu kinh tế cửa khẩu phát triển theo hướng mở rộng chức năng, đa dạng hóa ngành nghề, trở thành trung tâm thương mại – dịch vụ – logistics – chế biến xuất nhập khẩu xuyên biên giới, đồng thời là điểm hợp tác kinh tế Việt Nam – Campuchia gắn với bảo đảm quốc phòng - an ninh và giữ vững vùng biên giới.

Tổ chức không gian phát triển theo hướng phân khu chức năng hợp lý, tạo sự liên kết hài hòa giữa đô thị, công nghiệp, thương mại – dịch vụ, du lịch và nông nghiệp. Ưu tiên phát triển các khu dân cư hiện hữu có lợi thế về kết nối giao thông; hình thành các khu công nghiệp, dịch vụ logistics tập trung gắn với hệ thống cửa khẩu và cảng đường thủy; đồng thời bố trí các không gian nông nghiệp sinh thái làm vùng đệm, bảo vệ môi trường và ổn định sinh kế người dân.

Đầu tư phát triển đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật, trong đó giao thông đường bộ đóng vai trò quan trọng trong kết nối Khu kinh tế cửa khẩu với các trục giao thông quốc gia, cao tốc, quốc lộ, ... và hệ thống giao thông đường thủy, bảo đảm sự lưu thông ổn định cho hàng hóa, hành khách thông suốt giữa các cửa khẩu.

Phát triển Khu kinh tế cửa khẩu theo hướng kinh tế xanh, bền vững, sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ mới, công nghệ thông tin và tự động hóa trong quản lý, sản xuất và cung ứng dịch vụ, nâng cao hiệu quả hoạt động của Khu kinh tế, cải thiện chất lượng sống, tạo việc làm ổn định cho người dân khu vực biên giới và hình thành cực tăng trưởng quan trọng phía Tây của tỉnh.

b) Khu kinh tế ven biển Gò Công

Khu kinh tế ven biển có quy mô khoảng 26.700 ha. Phạm vi lập quy hoạch bao gồm 05 xã: toàn bộ diện tích các xã Gia Thuận, xã Tân Điền và một phần diện

tích các xã Tân Đông, xã Gò Công Đông, xã Tân Phú Đông với phần diện tích mặt nước biển trải dài toàn bộ các xã.

Phát triển Khu kinh tế ven biển theo mô hình khu kinh tế tổng hợp gắn với kinh tế biển, lấy công nghiệp – năng lượng – logistics – đô thị cảng làm động lực, kết hợp phát triển dịch vụ, du lịch và nông nghiệp công nghệ cao. Khai thác hiệu quả lợi thế không gian ven biển, mặt nước và hành lang ven biển, từng bước hình thành cực tăng trưởng phía Đông của tỉnh, gắn với liên kết vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

Đẩy mạnh đầu tư phát triển dịch vụ cảng biển và logistics, xây dựng trung tâm logistics tại Khu kinh tế ven biển để khai thác hiệu quả luồng tàu trọng tải lớn vào khu vực biển và sông Soài Rạp. Đồng thời, ưu tiên và kêu gọi đầu tư phát triển các khu đô thị lấn biển theo hướng hiện đại, đồng bộ, xanh và thông minh, gắn với không gian đô thị, dịch vụ, du lịch ven biển mới, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế biển và nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

Tổ chức không gian phát triển theo hướng phân khu chức năng rõ ràng, bảo đảm sự hài hòa giữa phát triển kinh tế và bảo tồn hệ sinh thái ven biển. Các khu vực đô thị, dân cư được phát triển trên cơ sở các khu dân cư hiện hữu và các cù lao, vùng đồng ruộng còn hoang sơ theo mô hình đô thị sinh thái, mật độ phù hợp, thích ứng điều kiện tự nhiên. Không gian công nghiệp, dịch vụ hậu cần cảng và logistics được bố trí tập trung, gắn với khu cảng biển và tuyến giao thông chính.

Ưu tiên đầu tư đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, đặc biệt là hạ tầng giao thông ven biển, giao thông kết nối nội khu và liên vùng. Phát huy vai trò trục đường ven biển và các tuyến đường tỉnh kết nối với quốc lộ, cao tốc, tạo mạng lưới giao thông thông suốt giữa khu cảng biển, khu công nghiệp, khu đô thị với các chức năng quan trọng trong tỉnh, phục vụ hiệu quả hoạt động logistics, xuất nhập khẩu và du lịch.

Phát triển Khu kinh tế ven biển theo hướng bền vững, tăng cường bảo vệ hệ sinh thái ven biển, vùng cửa sông, rừng ngập mặn và mặt nước ven bờ. Ứng dụng các giải pháp thích ứng biến đổi khí hậu trong tổ chức không gian, đầu tư hạ tầng và phát triển đô thị. Khuyến khích ứng dụng công nghệ hiện đại trong công nghiệp, năng lượng, nuôi trồng thủy sản và quản lý đô thị, nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên và chất lượng sống của người dân.

2. Phương hướng phát triển hệ thống khu công nghiệp

Không gian phát triển các khu công nghiệp của tỉnh được tổ chức theo mô hình tập trung tại các cực động lực chủ chốt, trong đó lấy Vùng công nghiệp Tân Phước và Vùng công nghiệp Gò Công làm hạt nhân; đồng thời bố trí dọc theo các hành lang kinh tế quan trọng như hành lang kinh tế ven biển phía Đông, hành lang kinh tế dọc sông Tiền, hành lang kinh tế trung tâm và các trục hành lang kinh tế

hỗ trợ kết nối khác. Phát triển hệ thống khu công nghiệp đa dạng hóa mô hình để đáp ứng yêu cầu hội nhập và sự thay đổi của thị trường, khai thác đúng tiềm năng của từng khu vực và bảo đảm phát triển bền vững trong dài hạn. Tăng diện tích đất công nghiệp, đầu tư hạ tầng, thu hút đầu tư phát triển khu vực công nghiệp. Các KCN trong đô thị trung tâm và KCN trên các trục hành lang kinh tế chính được tổ chức theo hướng bổ sung, hỗ trợ lẫn nhau, tạo nên không gian phát triển công nghiệp thống nhất, có khả năng liên kết vùng mạnh mẽ, phù hợp với điều kiện sinh thái, kinh tế và chức năng của từng khu vực.

Mục tiêu đến năm 2030, có ít nhất 10 KCN mới đi vào hoạt động với quy mô hơn 5.000 ha và sau 2030, tổng quy mô công nghiệp mới đạt 10.000 ha. Phát triển hệ thống KCN tập trung theo vùng, trong đó có 2 vùng công nghiệp chính với tính chất là công nghiệp - đô thị - dịch vụ là Vùng công nghiệp Tân Phước khoảng 10.000 ha và Vùng công nghiệp Gò Công khoảng 5.000 ha được định hướng trở thành cực tăng trưởng công nghiệp đa ngành, công nghệ cao và logistic của Tỉnh. Ưu tiên thu hút các dự án quy mô lớn, công nghệ hiện đại vào các ngành hàng có lợi thế xuất khẩu như: Chế biến nông sản, cơ khí chế tạo, điện tử, công nghiệp phụ trợ.

Đến năm 2030, toàn tỉnh có 24 KCN với tổng diện tích 7.160,16 ha, gồm 06 KCN đang hoạt động và 18 KCN hình thành mới.

Giai đoạn sau năm 2030, toàn tỉnh có 31 KCN với tổng diện tích 10.410,16 ha, bao gồm 24 KCN giai đoạn đến 2030 và 07 KCN bổ sung, hình thành mới.

3. Phương hướng phát triển hệ thống cụm công nghiệp

Phát triển hệ thống cụm công nghiệp gắn với các trục giao thông, hành lang kinh tế và bảo vệ môi trường. Giữ nguyên các cụm công nghiệp đã được quy hoạch và đang hoạt động hiệu quả, điều chỉnh, bổ sung để hình thành mạng lưới CCN có quy mô phù hợp với định hướng chung và lợi thế của địa phương, nhằm phát huy tiềm năng theo từng địa bàn và đáp ứng nhu cầu phát triển sản xuất công nghiệp của tỉnh. Từng bước di dời các doanh nghiệp vào CCN nhằm mục đích để lấy quỹ đất phát triển thương mại dịch vụ đối với khu vực và xử lý môi trường đối với các doanh nghiệp ngoài CCN.

Mục tiêu đến năm 2030, xây dựng phương án phát triển CCN trên cơ sở huy động nội lực và tranh thủ tối đa các nguồn lực từ bên ngoài với nhiều thành phần kinh tế cùng tham gia, phát triển các ngành nghề mang tính tích hợp, bổ sung cho các KCN tập trung; tập trung kêu gọi, thu hút các nhà đầu tư hạ tầng để phát triển CCN có tiềm lực, kêu gọi các dự án đầu tư có thiết bị công nghệ tiên tiến, hiện đại, ít gây tác động đến môi trường. Đến năm 2050, xây dựng hoàn thiện kết cấu hạ tầng, phát huy tối đa hiệu quả hoạt động, hiệu quả sử dụng đất của các CCN. Nâng cao giá trị sản xuất công nghiệp trong các CCN và góp phần đóng góp vào quy mô tăng trưởng toàn ngành công nghiệp của tỉnh Đồng Tháp. Bên

ạnh đó, hình thành được một số CCN hiện đại, phát triển được một số cụm liên kết ngành công nghiệp, doanh nghiệp công nghiệp trong nước có quy mô lớn, đa quốc gia, có năng lực cạnh tranh quốc tế.

Đến năm 2030, toàn tỉnh có 79 CCN với tổng diện tích 4.503,06 ha, gồm 18 CCN đang hoạt động và 61 CCN được thành lập mới. Trên cơ sở điều kiện phát triển thực tế, thực hiện rà soát, đánh giá tính khả thi của việc hình thành các cụm công nghiệp trên địa bàn, bảo đảm phù hợp với định hướng phát triển kinh tế của tỉnh.

4. Phương hướng phát triển tiểu thủ công nghiệp và các làng nghề truyền thống

Phát triển làng nghề gắn với bảo tồn và phát huy văn hóa truyền thống, mang nét đặc trưng riêng gắn kết hoạt động sản xuất nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và ngành nghề nông thôn. Phát triển tiểu thủ công nghiệp, làng nghề truyền thống.

Tổ chức lại không gian sản xuất, hình thành cụm làng nghề – tiểu thủ công nghiệp gắn với CCN, nâng cấp công nghệ sạch, thúc đẩy sản xuất theo chuỗi giá trị và kết nối với du lịch sinh thái – văn hóa, qua đó tăng giá trị gia tăng và nâng cao thu nhập cho người dân.

Tiểu thủ công nghiệp và làng nghề gắn với phát triển chuỗi giá trị nông nghiệp, bảo vệ môi trường và nâng cao năng lực cạnh tranh sản phẩm địa phương. Ưu tiên mô hình sản xuất đáp ứng được yêu cầu bảo vệ môi trường, gia tăng giá trị sản phẩm được sản xuất và tạo được thương hiệu đặc trưng riêng. Dựa trên cơ chế hỗ trợ chính sách, hạ tầng tập trung và liên kết giữa làng nghề, tiểu thủ công nghiệp, hợp tác xã và doanh nghiệp để chuyển đổi lên sản phẩm OCOP có sức cạnh tranh trên thị trường trong nước và xuất khẩu.

5. Phương hướng phát triển khu du lịch

a) Phát triển du lịch tỉnh Đồng Tháp theo hướng hình thành hệ thống khu du lịch quốc gia và điểm đến đặc trưng, dựa trên hai trụ cột chính là hành lang di sản sông nước và không gian sinh thái đất ngập nước, gắn bảo tồn giá trị tự nhiên, văn hóa và lịch sử với phát triển kinh tế du lịch bền vững. Trọng tâm là phát triển Khu du lịch quốc gia Hành lang Di sản Sông Tiền kết nối các đô thị và không gian di sản từ Mỹ Tho, Cái Bè đến Sa Đéc và Khu du lịch quốc gia Quần thể Sinh thái, Văn hóa Đất ngập nước Đồng Tháp Mười gắn với Vườn quốc gia Tràm Chim và Gò Tháp. Định hướng ưu tiên nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch, phát triển các loại hình du lịch sinh thái, văn hóa, tâm linh, trải nghiệm nông nghiệp và du lịch đường thủy, tăng cường liên kết vùng, kiểm soát phát triển theo sức chịu tải môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu và từng bước khẳng định Đồng Tháp là điểm đến đặc sắc của vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

b) Đến năm 2030, Đồng Tháp trở thành một trong những điểm đến đặc sắc, đẳng cấp cho khách du lịch không chỉ trong nước mà còn trong khu vực và quốc tế. Ngành du lịch có tính chuyên nghiệp cao, có hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật tương đối đồng bộ, hiện đại; sản phẩm du lịch có chất lượng cao, đa dạng, có thương hiệu, mang đậm bản sắc văn hoá truyền thống.

c) Tầm nhìn đến 2050 Du lịch Đồng Tháp có vai trò động lực của nền kinh tế với đóng góp cao vào GDP tỉnh. Đồng Tháp trở thành điểm đến có giá trị nổi bật trong nước và Quốc tế.

6. Phương hướng phát triển khu thể dục thể thao

Phát triển TDTT một cách toàn diện bao gồm TDTT quần chúng, Thể thao thành tích cao, TDTT trong nhà trường, TDTT trong lực lượng vũ trang, cán bộ, công nhân, viên chức và người lao động. Chú trọng vào TDTT trong nhà trường làm nền tảng cơ bản để phát triển Thể thao thành tích cao.

Tiếp tục đổi mới và hoàn thiện hệ thống tuyển chọn, đào tạo VĐV thể thao, gắn kết đào tạo các tuyển từ năng khiếu đến tuyển, tạo nên các lớp VĐV kế cận một cách đồng bộ và toàn diện. Có sự thống nhất trong việc quản lý và phát triển Thể thao thành tích cao, Thể thao chuyên nghiệp theo hướng bền vững kết hợp với ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến nhằm đem lại hiệu quả cao nhất và phù hợp nhất với đặc điểm thể chất và trình độ phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh qua đó nâng cao thành tích thi đấu và giữ vững vị trí hạng 1-3 trong khu vực các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long và hạng 15 so với cả nước.

Khu nghiên cứu, đào tạo; khu bảo tồn, khu vực cần được bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh và đối tượng đã được kiểm kê di tích đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn

7. Phương hướng phát triển Khu công nghệ số tập trung

Phát triển khu Công viên Phần mềm Mekong thành Khu Công nghệ số Tập trung, có địa chỉ: ấp Phong Thuận, phường Mỹ Phong, tỉnh Đồng Tháp.

Việc phát triển khu công nghệ số tập trung của tỉnh Đồng Tháp được định hướng phù hợp với phương hướng phát triển hạ tầng số, hạ tầng thông tin và truyền thông trong quy hoạch tỉnh thời kỳ mới, bảo đảm đồng bộ với chiến lược chuyển đổi số, phát triển kinh tế số và xã hội số của địa phương.

Khu công nghệ số tập trung được phát triển với quy mô diện tích và cơ cấu lĩnh vực hoạt động hợp lý, tập trung vào các ngành công nghiệp công nghệ số có lợi thế và nhu cầu phát triển của tỉnh, bảo đảm hiệu quả sử dụng đất và hiệu quả đầu tư. Ưu tiên nghiên cứu chuyên đổi mục đích sử dụng đối với quỹ đất đã được quy hoạch xây dựng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu kinh tế hoặc các khu

chức năng phù hợp khác để hình thành khu công nghệ số tập trung theo quy định pháp luật.

Vị trí phát triển khu công nghệ số tập trung được lựa chọn tại các khu vực có điều kiện thuận lợi về kết nối hạ tầng giao thông đường bộ, đường thủy nội địa, liên kết vùng với Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh, thành trong vùng Đồng bằng sông Cửu Long; đồng thời bảo đảm khả năng kết nối với các đầu mối logistics, cảng sông, sân bay trong khu vực, đáp ứng nhu cầu vận chuyển hàng hóa, thiết bị, máy móc và tạo điều kiện thuận lợi cho chuyên gia, người lao động làm việc và sinh sống.

Phát triển khu công nghệ số tập trung gắn kết chặt chẽ với các viện nghiên cứu, trung tâm nghiên cứu – ứng dụng, cơ sở đào tạo và trường đại học trong và ngoài tỉnh nhằm hình thành hệ sinh thái nghiên cứu, khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; đào tạo, thu hút và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho công nghiệp công nghệ số.

Khu công nghệ số tập trung được tổ chức trong một không gian phát triển tổng thể, kết hợp hài hòa giữa đô thị – khoa học – công nghệ – đổi mới sáng tạo – công nghiệp công nghệ số, tạo lập môi trường làm việc, nghiên cứu và sinh sống hiện đại, đồng bộ, chất lượng cao; góp phần thu hút doanh nghiệp công nghệ, chuyên gia, nhà khoa học trong nước và quốc tế đến đầu tư và làm việc lâu dài.

Khu công nghệ số tập trung bảo đảm khả năng kết nối đồng bộ với hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội ngoài khu, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững, khai thác hiệu quả các nguồn lực đầu tư của tỉnh và vùng.

Quá trình hình thành và phát triển khu công nghệ số tập trung phải tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về quốc phòng, an ninh; bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên; phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu; bảo vệ hệ thống đê điều, hành lang bảo vệ sông, kênh rạch; đồng thời bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử – văn hóa, di sản thiên nhiên trên địa bàn tỉnh.

Chủ động thu hút đầu tư vào các khu công nghệ số tập trung trên địa bàn tỉnh thông qua việc thực thi các cơ chế ưu đãi đặc thù và vượt trội theo Luật Công nghiệp công nghệ số số 71/2025/QH15. Đây là giải pháp then chốt nhằm tạo động lực mạnh mẽ dẫn dắt sự phát triển của kinh tế số địa phương.

Cụ thể, doanh nghiệp được áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi 10% trong 15 năm, miễn 04 năm và giảm 50% trong 09 năm tiếp theo; miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa tạo tài sản cố định và vật tư phục vụ sản xuất trong nước chưa chế tạo được. Đặc biệt, Luật cho phép triển khai cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (Sandbox), tạo không gian pháp lý an toàn cho các sản phẩm, dịch vụ công nghệ mới (AI, Bán dẫn, Blockchain).

Bên cạnh đó, các chuyên gia trình độ cao làm việc tại khu được giảm 50% thuế thu nhập cá nhân. Về hạ tầng, Nhà nước hỗ trợ đầu tư các khu dùng chung (Data Center, Lab) và áp dụng quy trình “Một cửa tại chỗ” nhằm tối ưu hóa thủ tục hành chính, giúp doanh nghiệp rút ngắn thời gian tiếp cận thị trường và giảm chi phí tuân thủ.”

8. Phương hướng phát triển khu sản xuất nông nghiệp tập trung

Đến năm 2030, tập trung vào xây dựng mạng lưới các khu – vùng sản xuất quy mô lớn, ứng dụng đồng bộ khoa học công nghệ, tự động hóa, chuyển đổi số và cơ cấu sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị nông sản, thúc đẩy tăng năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng cho sản phẩm chủ lực, gắn kết với trung tâm logistics, cơ sở chế biến, các dự án sản xuất máy móc – thiết bị nông nghiệp thông minh, và các điểm dịch vụ du lịch – nghỉ dưỡng nông nghiệp hiện đại, cụ thể:

Vùng nông nghiệp sinh thái và ứng dụng công nghệ cao (CNC):

- Vùng nông nghiệp CNC Vùng Đồng Tháp Mười (khu vực Cao Lãnh): Trọng tâm tại các xã Phương Mỹ, Phong Mỹ, Ba Sao, Mỹ Thọ, Bình Hàng Trung, Mỹ Hiệp, Tân Thạnh. Đây là hạt nhân xây dựng hệ sinh thái nông nghiệp ứng dụng CNC toàn diện trên các lĩnh vực: lúa gạo, cây ăn trái, cá tra, tôm càng xanh.

- Vùng nông nghiệp CNC kết hợp du lịch: Phát triển tại Cồn Đông Giang (phường Sa Đéc) gắn với du lịch nghỉ dưỡng thông minh, trải nghiệm trang trại hoa kiểng, trái cây; và vùng nông nghiệp CNC Tân Mỹ tích hợp toàn bộ quy trình sản xuất, thu hoạch, bảo quản theo tiêu chuẩn GlobalGAP, VietGAP.

- Vùng sản xuất rau màu, hoa kiểng CNC: Hình thành các vùng chuyên canh rau màu, rau an toàn CNC tại Tân Long, Thanh Bình, An Long, Tân Thạnh, Bình Thành, Long Phú Thuận; mở rộng vùng sản xuất hoa kiểng CNC tại Sa Đéc, Mỹ Phong, Mỹ An Hưng, Lập Vò, Tân Khánh Trung, Lai Vung.

Vùng chuyên canh cây ăn trái chủ lực gắn với logistics và chế biến:

- Vùng chuyên canh trái cây đặc sản xuất khẩu (sầu riêng, thanh long, mít, dứa, xoài...): Quy hoạch quy mô lớn tại các địa bàn có lợi thế như: Mỹ Thiện, Hội Cư, Cái Bè, Thạnh Phú, Long Tiên, Mỹ Phước Tây, Chợ Gạo, Tân Thuận Bình, Mỹ Tịnh An, Tân Phước 1–2–3, Phú Thành, An Hữu, Thanh Hưng. Trong đó, khóm (dứa) và tổ hợp sản xuất chế biến nông nghiệp được tập trung tại khu vực Tân Phước.

- Vùng chuyên canh dứa nguyên liệu kết hợp chế biến: Tập trung chủ yếu tại Gò Công Đông, Phú Thành.

- Vùng sản xuất cây có múi CNC: đầu tư hạ tầng, cải tạo hệ thống kênh dẫn nước; kết nối thị trường để hình thành vùng chuyên canh bưởi da xanh tại phường Mỹ Phong và các xã Chợ Gạo, Lương Hòa Lạc; các loại khác được định hướng đầu tư phát triển tại Lai Vung, Hòa Long, Phong Hòa, Tân Dương, Lập Vò....

- Hạ tầng Logistics trái cây: Để gia tăng chuỗi giá trị, đầu tư Trung tâm Logistics và mở rộng chợ đầu mối trái cây Đồng Tháp tại khu vực Cao Lãnh; đồng

thời hình thành Trung tâm logistics trái cây Đồng Tháp (chuối sầu riêng - xoài - mít - thanh long – bưởi da xanh) kết nối Cái Bè, Chợ Gạo, Mỹ Tịnh An, Cao Lãnh, Tháp Mười, đi kèm Trung tâm chiếu xạ, bảo quản sau thu hoạch.

Vùng sản xuất giống và nuôi trồng thủy sản tập trung:

- Vùng thủy sản nước ngọt CNC: Xây dựng Vùng sản xuất cá tra giống và tôm càng xanh ứng dụng CNC tại các xã Long Phú Thuận, Phương Mỹ, Phong Mỹ, Ba Sao, Châu Thành, Thanh Hưng.... Hình thành Khu sản xuất giống thủy sản tập trung tại Mỹ An Hưng, Tân Khánh Trung.

- Vùng thủy sản nước lợ - mặn sinh thái ven biển: Tận dụng thế mạnh kinh tế biển, quy hoạch Vùng chuyên canh nuôi tôm CNC và vùng nuôi nghêu - sò huyết sinh thái tại Gò Công Đông, Tân Phú Đông. Khu vực này được đầu tư đồng bộ với Trung tâm giống thủy sản nước lợ, nhà máy chế biến thủy sản nước lợ và chuỗi lạnh logistics ven biển.

Vùng chăn nuôi tập trung và cơ sở giết mổ CNC:

- Phát triển các vùng chăn nuôi vịt ứng dụng CNC tại Tháp Mười, và dự án khu chăn nuôi kết hợp dịch vụ hậu cần chăn nuôi tại Tân Phước 2.

- Bố trí các cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung tại các xã Phương Mỹ, Phong Mỹ, Ba Sao, Mỹ Hiệp,... nhằm kiểm soát chất lượng và an toàn dịch bệnh.

Mạng lưới công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản: Toàn bộ hệ thống vùng nguyên liệu sẽ được kết nối với các Nhà máy chế biến trái cây, rau củ quả, nhà máy chế biến các sản phẩm sau gạo và cơ sở chế biến nông sản sau thu hoạch (củ kiệu, khoai môn, rau quả đông lạnh) được phân bổ tại các khu, cụm công nghiệp đang hoạt động trên địa bàn tỉnh.

9. Phương hướng xác định khu quân sự, khu an ninh

Xây dựng khu quân sự, khu an ninh đảm bảo thế trận quốc phòng trong khu vực phòng thủ vững chắc, các khu vực sẵn sàng phục vụ cho nhiệm vụ quốc phòng; đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ quốc phòng an ninh, giữ gìn trật tự an toàn xã hội từng khu vực, địa phương trên địa bàn tỉnh. Việc bố trí xây dựng các công trình, diện tích sử dụng quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh phù hợp với quy hoạch đất quốc phòng, quy hoạch đất an ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

VI. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG KỸ THUẬT

1. Phương hướng phát triển mạng lưới giao thông

Phát triển mạng lưới giao thông tỉnh Đồng Tháp phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành giao thông vận tải quốc gia, bảo đảm đồng bộ, hiện đại, liên thông, tăng cường kết nối nội vùng và liên kết vùng Đồng bằng sông Cửu Long, Thành phố Hồ Chí Minh và cả nước. Cụ thể:

a) Đường bộ

Các tuyến cao tốc, quốc lộ trên địa bàn được thực hiện theo Quy hoạch mạng lưới đường bộ quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; ưu tiên hoàn thiện các tuyến cao tốc trục dọc, trục ngang và các tuyến quốc lộ đóng vai trò động lực Vùng.

Đối với đường bộ do địa phương quản lý: Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường tỉnh hiện hữu, đầu tư mới một số tuyến đường tỉnh, đường vành đai, đường trục chính đô thị, đường xã theo quy hoạch đô thị, nông thôn.

b) Đường thủy nội địa

Phát triển mạng lưới đường thủy nội địa ngoài các tuyến do Trung ương quản lý; từng bước cải tạo, nâng cấp các tuyến sông, kênh, rạch chính đạt tối thiểu cấp IV - III đường thủy nội địa. Phát triển hệ thống cảng, bến thủy nội địa hàng hóa và hành khách phù hợp quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy, cảng biển, logistics và các quy hoạch chuyên ngành có liên quan.

c) Đường sắt

Định hướng quy hoạch mạng lưới đường sắt trên địa bàn tuân thủ Quy hoạch mạng lưới đường sắt quốc gia, trong đó có tuyến Thành phố Hồ Chí Minh - Cần Thơ - Cà Mau. Định hướng nghiên cứu, bổ sung các tuyến đường sắt công cộng phục vụ phát triển đô thị đa chức năng (TOD).

d) Cảng cạn, trung tâm logistics

Phát triển hệ thống cảng biển, cảng cạn trên các hành lang vận tải chính, gắn với các khu công nghiệp, khu kinh tế; hình thành các trung tâm logistics kết hợp với các cảng, nhà ga nhằm tối ưu hóa vận tải hàng hóa, giảm chi phí logistics và tăng năng lực cạnh tranh của Vùng.

e) Cảng hàng không, sân bay

Nghiên cứu, xây dựng sân bay chuyên dùng theo nhu cầu khai thác, phát triển kinh tế, du lịch và phải bảo đảm phù hợp Quy hoạch và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc.

f) Công trình hạ tầng giao thông khác

Bến xe khách: Quy hoạch, xây dựng bến xe khách tại các cửa ngõ, đô thị trung tâm, đô thị vệ tinh, vị trí có hạ tầng giao thông thuận lợi; khuyến khích xã hội hóa đầu tư.

Bãi đỗ xe: Bố trí bãi đỗ xe trong khu vực trung tâm đô thị, các khu công nghiệp, khu dân cư, khu thương mại - dịch vụ, trung tâm hành chính; khuyến khích đầu tư bãi đỗ xe công cộng (kể cả bãi ngầm, bãi nhiều tầng).

Trạm dừng nghỉ: Quy hoạch và đầu tư trạm dừng nghỉ trên một số tuyến giao thông trọng điểm (cao tốc, quốc lộ, trục kết nối vùng), bảo đảm phục vụ nhu cầu nghỉ ngơi, dịch vụ cho người và phương tiện.

2. Phương hướng phát triển năng lượng và mạng lưới cấp điện

Phát triển nguồn và lưới điện của tỉnh phù hợp với Điều chỉnh Quy hoạch điện VIII và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII điều chỉnh. Đề xuất phương án phát triển hệ thống điện tỉnh đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội tỉnh trên tinh thần đảm bảo cung cấp điện an toàn liên tục, sử dụng tiết kiệm hiệu quả tài nguyên năng lượng, xem xét tới việc phát triển mạnh mẽ các nguồn năng lượng tái tạo.

a) Lưới truyền tải 500kV, 220kV và lưới 110kV

Từng bước hoàn thiện các mạng lưới mạch vòng 500kV, 220kV và 110kV đảm bảo tiêu chí N-1, có dự phòng cho giai đoạn sau năm 2030. Các trạm biến áp được thiết kế tối thiểu 2 máy biến áp, vận hành an toàn, mang tải không quá 75% công suất định mức. Đẩy mạnh đầu tư, xây dựng mới, cải tạo các trạm và đường dây 500kV, 220kV, 110kV, trong đó có các hạng mục đấu nối nguồn năng lượng tái tạo.

b) Lưới điện phân phối trung áp, hạ áp

Chuẩn hóa lưới trung áp ở cấp 22kV, tổ chức theo cấu trúc mạch vòng vận hành hở tại khu vực đô thị, trung tâm kinh tế; lưới hình tia tại khu vực nông thôn, kết hợp từng bước ngầm hóa ở đô thị, khu du lịch. Hoàn thiện lưới hạ áp 0,4kV theo mô hình 3 pha 4 dây, bán kính cấp điện hợp lý, giảm tổn thất điện năng, tăng độ tin cậy; mở rộng, cải tạo đường dây trung - hạ áp và trạm biến áp phân phối gắn với nhu cầu.

c) Nguồn điện và phát triển năng lượng tái tạo

Tiếp tục thực hiện các dự án đã được quy hoạch trong thời kỳ trước và các dự án quy hoạch cấp quốc gia đã phê duyệt theo quy định của pháp luật về điện lực và quy định của pháp luật về đầu tư.

Duy trì nguồn phát hiện có; đẩy mạnh phát triển nguồn năng lượng tái tạo (thủy điện, điện gió trên bờ và ngoài khơi, mặt trời, sinh khối, các nguồn thủy điện có kết hợp thủy lợi...), năng lượng mới, năng lượng sạch (hydro, amoniac xanh...) phù hợp với khả năng bảo đảm an toàn hệ thống với giá thành điện năng hợp lý, đặc biệt là các nguồn điện tự sản, tự tiêu, điện mặt trời mái nhà và các nguồn năng lượng tái tạo khác; ưu tiên các dự án sạch, hiệu quả, phù hợp định hướng chuyển dịch năng lượng và cam kết giảm phát thải khí nhà kính. Đồng bộ đầu tư lưới điện đấu nối, trạm biến áp và đường dây truyền tải, đảm bảo khai thác tối đa công suất các nguồn mới, nhất là năng lượng tái tạo trên địa bàn.

3. Phương hướng phát triển hạ tầng bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin

Đến năm 2030, tỉnh Đồng Tháp thuộc nhóm 20 địa phương dẫn đầu cả nước về chuyển đổi số, là trung tâm phát triển kinh tế số, nông nghiệp số, logistics số và đô thị thông minh của vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Hạ tầng thông tin và truyền thông bảo đảm thông suốt, an toàn, tin cậy, đáp ứng yêu cầu quản lý, điều hành, sản xuất – kinh doanh, đời sống xã hội và hội nhập quốc tế.

Đến năm 2050, tỉnh Đồng Tháp trở thành tỉnh số hóa toàn diện, có năng lực điều hành, phân tích, cảnh báo thông minh với việc phát triển thông tin và truyền thông của tỉnh trở thành hạ tầng nền tảng của mọi hạ tầng, hỗ trợ phát triển nhanh và bền vững chính quyền số, kinh tế số và xã hội số; hình thành môi trường sống, làm việc và sản xuất thông minh, an toàn, thân thiện với môi trường.

Phát triển hạ tầng số hiện đại, đồng bộ phù hợp với xu hướng hội tụ của công nghệ thông tin trong cuộc cách mạng 4.0, hướng đến nâng cao quyền tiếp cận thông tin, nâng cao chất lượng kết nối thông tin cho người dân, du khách, doanh nghiệp, có đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế số, xã hội số và bảo đảm an ninh quốc phòng. Xây dựng hạ tầng thông tin và truyền thông rộng khắp, đảm bảo tính kết nối, chia sẻ giữa các tổ chức, cá nhân trong toàn xã hội trên cơ sở bảo đảm an toàn, an ninh, đảm bảo chiến lược phát triển số;

Cụ thể:

- Bưu chính: Xây dựng Trung tâm bưu chính tỉnh và trung tâm bưu chính khu vực đóng vai trò kiểm định, đóng gói, phân loại và bảo quản hàng hóa tập trung tại tỉnh. Từng bước nâng cấp các điểm dịch vụ bưu chính tại các xã phường. Phát triển các điểm phục vụ bưu chính hỗ trợ phát triển thương mại điện tử và kinh tế số tại các xã, phường nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ của người dân.

- Hạ tầng Viễn thông: Phát triển hạ tầng viễn thông băng rộng cố định và di động dung lượng lớn, ưu tiên mở rộng mạng cáp quang, mạng 4G/5G, bảo đảm phủ sóng chất lượng cao đến khu đô thị, trung tâm xã, khu dân cư tập trung, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu du lịch và vùng khó khăn, khu vực biên giới; đồng bộ với quy hoạch hạ tầng đô thị, giao thông, chiếu sáng, cấp - thoát nước.

- Hạ tầng công nghệ thông tin, dữ liệu số và chuyển đổi số: Phát triển hạ tầng số, hạ tầng dữ liệu và điện toán đám mây theo hướng mở, linh hoạt, xanh, an toàn; xây dựng Trung tâm dữ liệu, hạ tầng cloud dùng chung, nền tảng phân tích dữ liệu và AI phục vụ điều hành thông minh. Nâng cấp Trung tâm dữ liệu tỉnh đạt tiêu chuẩn Uptime TIER 3; Kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Trung tâm dữ liệu tỉnh với Trung tâm dữ liệu quốc gia, nền tảng dữ liệu vùng; Xây dựng lộ trình từng bước di dời, chấm dứt hoạt động các trung tâm dữ liệu hoặc phòng máy chủ không

đạt tiêu chuẩn trên địa bàn tỉnh. Triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan hệ thống chính trị qua Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu của Trung tâm Dữ liệu quốc gia (NDOP). Quy hoạch hệ thống máy chủ, hạ tầng lưu trữ và xử lý dữ liệu theo hướng tập trung về các trung tâm dữ liệu đạt chuẩn của Quốc gia.

- Công nghiệp công nghệ thông tin: Phát triển khu công nghiệp công nghệ thông tin và logistics số gắn với các Khu kinh tế và các khu công nghiệp trọng điểm; thu hút các lĩnh vực điện tử, thiết bị thông minh, trung tâm dữ liệu, điều khiển thông minh, dịch vụ số, phục vụ tự động hóa trong công nghiệp, cảng biển và logistics.

4. Phương hướng phát triển mạng lưới thủy lợi, cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải

Phát triển thủy lợi theo định hướng hiện đại hoá, tăng dần mức đảm bảo phục vụ cấp nước cho sinh hoạt, công nghiệp, nông nghiệp, du lịch, dịch vụ..., đảm bảo an ninh lương thực và phục vụ sản xuất nông nghiệp hàng hoá nhằm tăng cường khả năng cạnh tranh, góp phần phát triển kinh tế xã hội bền vững, xóa đói giảm nghèo. Nâng cao mức bảo đảm tiêu thoát nước, chống úng ngập, bảo vệ môi trường sinh thái, và bảo vệ an toàn tuyệt đối cho nguồn nước cấp sinh hoạt, từng bước thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu

a) Cấp nước:

Giai đoạn đến năm 2030: Thực hiện chiến lược “xoay trục nguồn nước”, ưu tiên chuyển dịch trọng tâm từ khai thác nước dưới đất phân tán sang nguồn nước mặt thượng nguồn sông Tiền. Từng bước phát triển hệ thống cấp nước theo mô hình mạng lưới liên hoàn toàn tỉnh; tập trung đầu tư các tổ hợp nhà máy nước mặt quy mô cấp vùng (Sông Tiền 1, Đồng Tâm, Tân Phước...) và các trục đường ống truyền tải xương sống (DN1000 - DN1500) (đặc biệt là trục dẫn từ Tây sang Đông) để liên thông nguồn lực, hình thành năng lực dự phòng và hỗ trợ chéo giữa các tiểu vùng và đồng bộ hóa hoàn toàn hệ thống cấp nước giữa khu vực Đồng Tháp cũ và Tiền Giang cũ. Tổ chức sắp xếp, đấu nối các trạm cấp nước nhỏ lẻ vào hệ thống tập trung theo mô hình "tiếp nhận và phân phối lại nước sạch qua đồng hồ tổng"; thực hiện lộ trình đóng cửa các giếng khoan nhằm tăng cường quản lý khai thác nước dưới đất, chống sụt lún nền, ứng dụng công nghệ số (GIS, SCADA, phân vùng tách mạng DMA) như một giải pháp phi công trình trọng tâm để kiểm soát chất lượng và giảm thất thoát. Đẩy mạnh thu hút nguồn lực tư nhân (PPP, BOO, BOT) để đầu tư các công trình đầu mối. Phân đấu đạt tỷ lệ cấp nước sạch tập trung cho dân số đô thị 100%, dân số nông thôn đạt từ 95% – 98%; chất lượng nước đạt QCVN 01-1:2024/BYT (hoặc quy chuẩn mới nhất); giảm tỷ lệ thất thoát nước xuống dưới 15%; từng bước chấm dứt việc sử dụng trực tiếp nước sông rạch tại khu vực nông thôn và vùng chịu rủi ro hạn mặn, nhiễm phèn, bảo đảm cấp nước ổn định cho các đô thị và khu - cụm công nghiệp.

Giai đoạn đến năm 2050: Hoàn thiện hệ thống cấp nước hiện đại, đồng bộ, quản trị vận hành thông minh, bảo đảm an ninh nguồn nước bền vững và an toàn tuyệt đối trước kịch bản sụt lún, biến đổi khí hậu, thay đổi dòng chảy và xâm nhập mặn. Tiếp tục mở rộng công suất các tổ hợp nhà máy nước vùng, hoàn chỉnh mạng vòng truyền tải liên tỉnh và nội tỉnh; phát triển đồng bộ hạ tầng dự trữ nước ngọt quy mô lớn (tiêu biểu như cụm hồ Tam Nông 1.300 ha, Cao Lãnh 160 ha, Hồng Ngự 92 ha...), các nút điều tiết và giải pháp kiểm soát mặn nhằm bảo đảm cấp nước liên tục cho khu vực ven biển và vùng hạn mặn cực đoan hướng tới hình thành vòng "tuần hoàn tài nguyên nước". Đến năm 2050, bảo đảm 100% dân số đô thị và nông thôn được cấp nước sạch tập trung; chuyển hoàn toàn nước ngầm sang trạng thái dự phòng chiến lược; duy trì sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả và giảm tỷ lệ thất thoát xuống dưới 10%; bảo đảm năng lực cấp nước thiết kế cho công nghiệp (nhóm phụ tải trọng yếu) và từng bước hướng tới tiêu chuẩn nước uống trực tiếp tại vòi ở các đô thị trung tâm.

b) Tiêu, thoát nước:

Hệ thống tiêu, thoát nước được hoàn thiện đồng bộ nhằm kiểm soát ngập úng, bảo vệ môi trường, bảo vệ và tái sử dụng tài nguyên nước, đồng thời thích ứng với biến đổi khí hậu và sụt lún nền đất. Phát triển theo mô hình thoát nước bền vững cho đô thị và khu dân cư, giảm áp lực cho hệ thống kênh rạch tự nhiên.

Chủ động tiêu, thoát nước ra các trục tiêu chính, hệ thống kênh rạch và sông Tiền; bảo đảm tiêu thoát cho vùng trũng Đồng Tháp Mười, vùng hạ lưu sông Tiền, các khu vực đô thị và khu sản xuất tập trung với tần suất thiết kế phù hợp. Tổ chức tiêu thoát theo tiểu vùng, gắn với ranh đê bao, bờ bao và các hành lang hạ tầng chính.

Phòng, chống ngập cho các đô thị trung tâm, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu dân cư nông thôn và vùng sản xuất nông nghiệp trọng điểm; ưu tiên các giải pháp tiêu thoát cưỡng bức tại khu vực chịu tác động tổng hợp của mưa lớn, triều cường và lũ thượng nguồn; kết hợp đồng bộ giữa giải pháp công trình và các giải pháp thoát nước phân tán tại chỗ như hồ điều hòa, bề mặt thấm nước và không gian xanh ngập nước.

Bảo vệ và kiểm soát chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi, kênh rạch nội đồng và nội thị; tăng cường kiểm soát nguồn thải sinh hoạt, sản xuất, làng nghề và nuôi trồng thủy sản; hạn chế ô nhiễm thứ cấp do tiêu thoát khép kín, bảo đảm chất lượng nước phục vụ dân sinh, sản xuất nông nghiệp và phát triển đô thị bền vững.

c) Phòng, chống hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn:

Đề xuất các giải pháp tích trữ, điều hòa, kết nối và chuyển nguồn nước nhằm bảo đảm cấp nước cho dân sinh và sản xuất trong mùa khô, đặc biệt tại vùng

Đồng Tháp Mười và các khu vực chịu ảnh hưởng xâm nhập mặn. Ưu tiên khai thác hợp lý nguồn nước mặt, tăng khả năng trữ nước trong hệ thống kênh rạch, hồ điều hòa và các vùng trữ nước ngọt phân tán.

Kiểm soát xâm nhập mặn, giữ ngọt và giảm tác động của triều cường tại khu vực hạ lưu sông Tiền và vùng ven biển thông qua vận hành linh hoạt hệ thống công, đập, trạm bơm và các công trình thủy lợi hiện có; kết hợp với các giải pháp phi công trình như dự báo, cảnh báo mặn theo thời gian thực, điều chỉnh lịch thời vụ, cơ cấu cây trồng và phương án sử dụng nước phù hợp với diễn biến nguồn nước theo mùa

d) Phòng, chống lũ, ngập lụt và một số loại hình thiên tai liên quan đến nước:

Chủ động ứng phó với lũ, ngập, úng, bồi lắng lòng dẫn và xói lở bờ sông, bờ kênh rạch; kết hợp hài hòa giải pháp công trình và phi công trình, phù hợp với đặc điểm lũ theo không gian và thời gian của vùng Đồng Tháp Mười và hạ lưu sông Tiền, bảo đảm phát huy vai trò trữ lũ tự nhiên và giảm thiểu rủi ro cho khu dân cư.

Bảo đảm an toàn cho các đô thị, khu dân cư và hoạt động sản xuất trong điều kiện biến đổi khí hậu; nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo sớm và quản lý rủi ro thiên tai dựa trên cơ sở dữ liệu quan trắc, mô hình thủy văn và sự tham gia của cộng đồng.

Bảo đảm an toàn hệ thống đê bao, công, trạm bơm và các công trình thủy lợi; củng cố và nâng cao mức đảm bảo phòng, chống lũ, ngập lụt cho các tiểu vùng trọng điểm, ưu tiên khu vực đô thị, khu sản xuất tập trung và các tuyến giao thông huyết mạch.

Định hướng chủ động phòng tránh và thích nghi với lũ, phát huy không gian trữ lũ, thoát lũ tự nhiên tại vùng kiểm soát lũ và vùng ngập nông; đồng thời bảo vệ dân cư, hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội tại các khu vực ngập sâu thông qua tổ chức không gian xây dựng thích ứng với lũ.

Xác định và quản lý chặt chẽ hành lang thoát lũ, tuyến chính trị sông Tiền và các kênh trục chính; đề xuất các giải pháp phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ kênh và xói lở bờ biển khu vực Tiền Giang trên cơ sở theo dõi diễn biến thực tế, kết hợp giải pháp sinh thái và giải pháp công trình.

5. Phương hướng phát triển các khu xử lý chất thải

Đến năm 2030: Quản lý CTR theo chiến lược 3R và mô hình kinh tế tuần hoàn. Đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư các Khu liên hợp xử lý tập trung cấp vùng (Đập Đá, Tân Lập 1), ưu tiên công nghệ đốt rác phát điện (Waste-to-Energy). Đảm bảo tỷ lệ thu gom CTR sinh hoạt đô thị đạt 95% – 99% (nông thôn đạt 80% – 90%) và 100% chất thải y tế, công nghiệp, nguy hại được xử lý an toàn. Phân đầu tỷ lệ

tái chế, thu hồi năng lượng đạt 90% và giảm tỷ lệ chôn lấp xuống dưới 20% tổng khối lượng tiếp nhận.

Đến năm 2050: Nâng tỷ lệ thu gom CTR đô thị đạt >99%. Chấm dứt hoàn toàn hình thức chôn lấp trực tiếp (tỷ lệ chôn lấp 0%); phát triển mạnh công nghiệp môi trường, đưa kinh tế xanh và tuần hoàn thành định hướng chủ đạo trong toàn bộ hoạt động sản xuất, tiêu dùng.

6. Phương hướng phát triển nghĩa trang và các khu hỏa táng

Đến năm 2030: Phát triển hạ tầng tâm linh theo nguyên tắc "Văn minh – Tiết kiệm – Bền vững" gắn kết chặt chẽ với định hướng quy hoạch đô thị và nông thôn trong tình hình mới. Lên lộ trình khoanh vùng, đóng cửa và từng bước di dời các nghĩa địa nhỏ lẻ, tự phát xen cài trong khu dân cư và hành lang bảo vệ nguồn nước. Đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư các Công viên nghĩa trang sinh thái cấp vùng tích hợp Trung tâm hỏa táng hiện đại (ưu tiên công nghệ tiên tiến không khói, không mùi) tại Gò Công, Cai Lậy, Hồng Ngự. Việc thiết kế các cơ sở này phải đảm bảo các tiêu chuẩn cao nhất về môi trường, cảnh quan mỹ quan, tạo không gian trang nghiêm để từng bước thay đổi tâm lý, tập quán và được nhân dân đồng thuận, ưu tiên lựa chọn. Phấn đấu nâng tỷ lệ hỏa táng đạt 10% – 15% và bổ sung 114 ha quỹ đất nghĩa trang tập trung. Bắt buộc áp dụng công nghệ kim tĩnh bê tông đúc sẵn và hệ thống thu gom nước rỉ huyết mộ riêng biệt để bảo vệ tuyệt đối nguồn nước ngầm.

Đến năm 2050: Hoàn thành di dời 100% các khu mộ rải rác, tự phát. Tăng tỷ lệ hỏa táng, điện táng lên trên 25%; hoàn thiện mạng lưới nghĩa trang tập trung đồng bộ về hạ tầng, môi trường, cảnh quan và quản trị số, qua đó giảm thiểu tối đa nhu cầu thâm dụng quỹ đất (dự kiến cần thêm 498 ha) để nhường không gian cho phát triển kinh tế - đô thị.

6. Phương hướng quy hoạch hệ thống cảng, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá

Đầu tư phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng và dịch vụ hậu cần các cảng cá, các khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá bảo đảm đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định và khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng. Tăng cường nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng công nghệ, ưu tiên ứng dụng công nghệ cao, chuyển đổi số; nâng cao năng lực quản lý nhà nước đối với cảng cá và khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá.

7. Phương hướng phát triển hạ tầng phòng cháy, chữa cháy

a) Quy hoạch địa điểm xây dựng các công trình hạ tầng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tại trung tâm các phường, xã, khu đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu thương mại - dịch vụ có nguy cơ cháy, nổ cao, khu rừng phòng hộ, rừng đặc dụng; đảm bảo đồng bộ hiệu quả và hiện đại, thuận tiện về

giao thông, nguồn nước, thông tin liên lạc, phù hợp với Quy hoạch hạ tầng phòng cháy chữa cháy quốc gia và các quy định hiện hành.

b) Đầu tư cơ sở vật chất, kỹ thuật, công trình phục vụ ứng phó khẩn cấp, huấn luyện, chỉ huy điều hành, kiểm định phương tiện và nghiên cứu khoa học - công nghệ về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, đáp ứng yêu cầu xây dựng lực lượng phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và quy mô, tính chất hoạt động của từng đơn vị.

VII. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG XÃ HỘI

1. Phương hướng phát triển kết cấu hạ tầng y tế

a) Phương án phát triển mạng lưới khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe y tế và phục hồi chức năng:

Hệ thống cơ sở khám chữa bệnh công lập

- Triển khai dự án nâng cấp Bệnh viện Đa khoa Tiền Giang lên quy mô 1.800 – 2.000 giường; trở thành bệnh viện đa khoa vùng, bảo đảm đảm nhận chức năng vùng và cung ứng các dịch vụ kỹ thuật chuyên sâu.

- Xây dựng Trung tâm Chấn thương chỉnh hình - khoa phục hồi chức năng tại Bệnh viện đa khoa Tiền Giang.

- Đầu tư xây mới 02 bệnh viện chuyên khoa: Bệnh viện Mắt Tiền Giang, Bệnh viện Sản Nhi Đồng Tháp.

- Tiếp tục đầu tư nâng cấp, hiện đại hóa các bệnh viện đa khoa: Nâng cấp Bệnh viện Đa khoa Đồng Tháp có khả năng thực hiện các kỹ thuật y tế chuyên sâu; Nâng cấp và mở rộng đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các Bệnh viện Đa khoa khu vực tuyển tỉnh (BVĐK KV Cai Lậy, BVĐK KV Gò Công, BVĐK KV Tháp Mười, BVĐK KV Hồng Ngự) đạt chuẩn hạng II; Nâng cấp Bệnh viện Đa khoa khu vực Hồng Ngự lên quy mô khoảng 500 giường, đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe của người dân khu vực biên giới; Nâng cấp cải tạo Bệnh viện Quân dân y.

- Đầu tư một số chuyên khoa sâu như: can thiệp tim mạch, chấn thương chỉnh hình, sản khoa,... tại Bệnh viện Đa khoa Đồng Tháp, Bệnh viện Đa khoa Sa Đéc theo hướng chuẩn bệnh viện hạng I.

- Nâng cấp, cải tạo các bệnh viện chuyên khoa: Bệnh viện Lao và Phổi Tiền Giang; Bệnh viện Tâm thần Tiền Giang; Bệnh viện Tâm thần Đồng Tháp; Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang; Bệnh viện Y học cổ truyền Tiền Giang; Bệnh viện Y học cổ truyền Đồng Tháp; Bệnh viện Phổi Đồng Tháp; Bệnh viện Phục hồi chức năng; Bệnh viện Da liễu.

- Nâng cấp, cải tạo Phòng khám đa khoa Quân dân y Thường Phước và Phòng khám đa khoa Quân dân y Dinh Bà.

- Sắp xếp, tổ chức lại các Trung tâm Y tế khu vực có giường bệnh:

+ Chuyển chức năng y tế dự phòng và dân số về Trạm y tế trực thuộc UBND cấp xã.

+ Thành lập mới 17 bệnh viện đa khoa (hạng III) trực thuộc Sở Y tế trên cơ sở các Trung tâm y tế khu vực có giường bệnh điều trị nội trú, để phục vụ khám bệnh, chữa bệnh cho người dân liên xã, không phân biệt địa giới hành chính.

+ Chấm dứt hoạt động (giải thể) 05 Trung tâm y tế không giường bệnh, sáp nhập khối điều trị của Trung tâm vào Bệnh viện đa khoa hoặc Bệnh viện đa khoa khu vực gần nhất nhằm tăng cường nguồn lực và nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh, phục vụ người dân..

- Chuyển các Trạm y tế trở thành đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân xã quản lý toàn diện về cơ sở vật chất, tài chính, trang thiết bị, nhân lực. Hệ thống y tế cơ sở cũng sẽ được tăng cường đầu tư để đảm bảo năng lực chăm sóc sức khỏe ban đầu. Triển khai đồng bộ hệ thống công nghệ thông tin trong quản lý Trạm Y tế, tiêm chủng, quản lý bệnh tật, hồ sơ sức khỏe người dân gắn với quản lý thẻ, thanh toán bảo hiểm y tế.

Hệ thống cơ sở y tế ngoài công lập:

- Duy trì các bệnh viện ngoài công lập và phòng khám tư nhân trên địa bàn Tỉnh.; Khuyến khích thành lập thêm các cơ sở khám chữa bệnh ngoài công lập mới nhằm đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe của người dân.

- Thu hút đầu tư xây dựng các trung tâm dưỡng lão, các khu phức hợp chăm sóc sức khỏe dành cho người cao tuổi theo mô hình tích hợp, kết hợp giữa y tế, phục hồi chức năng, dịch vụ nghỉ dưỡng và các chức năng đô thị. tại địa phương.

Hệ thống cấp cứu:

- Trung tâm Cấp cứu 115 trực thuộc các bệnh viện đa khoa tuyến Tỉnh.

- Củng cố các Tổ vận chuyển cấp cứu tại các bệnh viện, mỗi đơn vị cần trang bị ít nhất 02 xe ô tô cấp cứu.

- Đảm bảo đầy đủ trang thiết bị, phương tiện cấp cứu, nguồn nhân lực... sẵn sàng cơ động để có thể kịp thời xử lý các trường hợp cấp cứu tại các địa bàn xa cơ sở y tế và vận chuyển bệnh nhân lên tuyến trên.

b) Phát triển mạng lưới y học cổ truyền

Bệnh viện Y học cổ truyền Tiền Giang: đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, trang thiết bị và nhân lực, mở rộng quy mô giường bệnh lên 150 giường năm 2030.

Bệnh viện Y học cổ truyền Đồng Tháp: Đầu tư nâng cấp bệnh viện đạt chuẩn tầm khu vực.

Khoa Y học cổ truyền của các bệnh viện đa khoa tuyến tỉnh: Duy trì 100% các bệnh viện đa khoa có Khoa Y học cổ truyền, củng cố theo quy định của Bộ Y tế.

Bộ phận Khám chữa bệnh y học cổ truyền ở tuyến xã, phường: 100% Trạm y tế xã, phường có bộ phận khám chữa bệnh y học cổ truyền.

Các cơ sở Y học cổ truyền ngoài công lập: Khuyến khích các cá nhân trong và ngoài tỉnh đầu tư thành lập các loại hình khám chữa bệnh bằng y học cổ truyền, đồng thời cần phải tăng cường quản lý hoạt động này.

c) Phát triển mạng lưới y tế dự phòng

Duy trì và nâng chất lượng Chuẩn quốc gia Y tế dự phòng của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Đồng Tháp. Chuyển chức năng y tế dự phòng về Trạm y tế trực thuộc UBND cấp xã. Củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động y tế dự phòng theo từng xã, phường.

d) Phát triển mạng lưới Dân số và phát triển

Sắp xếp, củng cố và hoàn chỉnh hệ thống tổ chức, hạ tầng và nhân lực lĩnh vực dân số và phát triển từ tỉnh đến cơ sở, bảo đảm hoạt động thông suốt, hiệu quả trên toàn địa bàn tỉnh.

Đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản, tư vấn tiền hôn nhân, sức khỏe bà mẹ – trẻ em và dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, góp phần nâng cao chất lượng dân số và phát triển toàn diện về thể chất, thể lực và tuổi thọ của người dân.

e) Phát triển mạng lưới kiểm nghiệm, kiểm định thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm

Đầu tư, nâng cấp hạ tầng và trang thiết bị cho Trung tâm kiểm nghiệm, Chi cục An toàn thực phẩm của tỉnh đảm bảo đủ năng lực thực hiện nhiệm vụ.

f) Phát triển mạng lưới giám định pháp y, giám định y khoa

Đầu tư xây dựng trụ sở làm việc, mua sắm trang thiết bị, phương tiện phục vụ cho Trung tâm Pháp y và Trung tâm giám định Y khoa đảm bảo thực hiện nhiệm vụ.

g) Phát triển mạng lưới các cơ sở đào tạo y dược

Mạng lưới cơ sở đào tạo nhân lực y, dược trên địa bàn tỉnh giai đoạn quy hoạch gồm: Hợp nhất trường Cao đẳng y tế Tiền Giang và Trường Cao đẳng y tế Đồng Tháp thành Trường Cao đẳng y tế Đồng Tháp (mới) để hình thành cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo nhân lực lĩnh vực chăm sóc sức khỏe, mức độ tự chủ nhóm 2.

h) Phương án phát triển mạng lưới các cơ sở bảo trợ xã hội trên địa bàn Tỉnh

Nâng cấp, mở rộng, trang bị cơ sở vật chất, trang thiết bị Trung tâm Bảo trợ xã hội Đồng Tháp, Trung Bảo trợ xã hội Tiền Giang

Triển khai thực hiện các dự án: Xây dựng mới Trung tâm Công tác xã hội trên địa bàn xã Tân Đông đã được đưa vào danh mục phê duyệt quy hoạch xây dựng giai đoạn 2026 – 2030.

2. Phương hướng phát triển hạ tầng giáo dục - đào tạo

- Giáo dục mầm non: Xây dựng mạng lưới trường và điểm trường mầm non phù hợp với quy hoạch phát triển dân cư và quy mô dân số của từng địa bàn. Quy hoạch phát triển mạng lưới trường, lớp mầm non giai đoạn 2021 - 2030, đảm bảo nhu cầu phát triển các trường, lớp mầm non cho các khu công nghiệp, khu đô thị mới theo quy hoạch. Đến năm 2030 cần đầu tư xây dựng thêm 1860 lớp, đồng thời khuyến khích đầu tư thêm khoảng 90 trường ngoài công lập.

- Giáo dục phổ thông:

+ Cấp tiểu học: Xây dựng mạng lưới trường và điểm trường tiểu học phù hợp với quy hoạch phát triển dân cư và quy mô dân số của từng địa bàn. Cơ sở vật chất và trang thiết bị đảm bảo đủ điều kiện cho việc giáo dục phát triển toàn diện. Tiếp tục sắp xếp các điểm trường tiểu học theo hướng giảm các điểm trường ít học sinh. Đến năm 2030, không còn điểm trường tiểu học có 3 phòng học trở xuống và không còn trường tiểu học có quá 2 điểm trường lẻ. Đến năm 2030 cần đầu tư xây dựng thêm 1.034 phòng học để đáp ứng nhu cầu tăng học sinh.

+ Cấp trung học cơ sở: Phát triển mạng lưới giáo dục THCS phù hợp với tốc độ tăng trưởng dân số và chia tách, thành lập mới đơn vị hành chính ở tất cả các địa phương. Nâng cấp và đồng bộ hóa cơ sở trường học, lớp học theo hướng chuẩn hóa, hiện đại; xây dựng thêm phòng học mới để đảm bảo mỗi lớp có 1 phòng học và tổ chức cho học sinh học 2 buổi/ngày ở trường; bổ sung phòng chức năng theo chuẩn quy định, cung cấp đầy đủ trang thiết bị dạy và học cho tất cả các trường THCS. Đến năm 2030 cần đầu tư xây dựng thêm 2.540 phòng học để đáp ứng tăng học sinh. Ngoài ra, định hướng xây dựng mới 06 trường liên cấp TH-THCS trên địa bàn 06 xã biên giới với quy mô mỗi trường từ 1000-2000 học sinh, diện tích đất từ 5-10ha.

+ Cấp trung học phổ thông: Mạng lưới trường: 100% các cơ sở giáo dục đạt chuẩn tối thiểu trở lên. Căn cứ chuẩn trung bình 40 học sinh/lớp, đến năm 2030 cần đầu tư xây dựng thêm phòng học để đáp ứng tăng 1.413 lớp.

+ Trung tâm giáo dục thường xuyên: Nâng cấp các Trung tâm giáo dục thường xuyên tương đương với các trường THPT trên địa bàn, có năng lực giáo dục và dạy nghề đảm bảo đáp ứng nhu cầu học tập thường xuyên của người dân

và nhu cầu đào tạo nghề đa dạng của người lao động. Thực hiện liên thông về giáo dục và đào tạo giữa các Trung tâm giáo dục thường xuyên với các trường THPT và các cơ sở đào tạo khác (trung cấp, cao đẳng, đại học trong và ngoài tỉnh). Đồng thời, tăng cường liên kết với các cơ sở sử dụng lao động để phối hợp tổ chức dạy học và dạy nghề.

- Giáo dục chuyên biệt:

+ Trường chuyên: Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy và học hiện đại đồng bộ với việc bổ sung đội ngũ giáo viên đủ về số lượng và chất lượng để đưa trường THPT chuyên Đồng Tháp trở thành trường THPT chuyên trọng điểm của vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

+ Phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập đủ năng lực, quy mô, đáp ứng nhu cầu tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ giáo dục có chất lượng cho tất cả người khuyết tật; thực hiện công bằng trong tiếp cận giáo dục. Thành lập thêm ít nhất 01 cơ sở giáo dục chuyên biệt cấp tỉnh và 01 trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập cấp tỉnh.

- Phương án phát triển hạ tầng lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp:

+ Không tăng thêm cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập, chỉ đầu tư để mở rộng quy mô và chất lượng đào tạo theo yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh. Rà soát ngành nghề đào tạo của các đơn vị để tập trung đầu tư theo nghề trọng điểm, nghề thế mạnh của từng đơn vị, chỉ mở thêm nghề mới theo nhóm nghề trọng điểm, nghề thế mạnh của đơn vị để hạn chế đầu tư thiết bị của nghề mới.

+ Đẩy mạnh sự phát triển của các cơ sở GDNN ngoài công lập thông qua sự tham gia của tư nhân, nhà đầu tư nước ngoài. Đến năm 2030, phấn đấu kêu gọi đầu tư xã hội hóa 2 trường cao đẳng ngoài công lập tại các khu công nghiệp Tân Phước, Gò Công và 8-10 trung tâm giáo dục nghề nghiệp tại các cụm công nghiệp và khu dân cư đối với trung tâm chuyên đào tạo nghề thuộc lĩnh vực dịch vụ.

+ Về quy mô mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp, Để đảm bảo tiêu chí mỗi tỉnh có 1 trường cao đẳng công lập và các trường trung cấp công lập duy trì cho đến năm 2030 theo “Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045”, giai đoạn đến năm 2030, cần có những điều chỉnh dự kiến như sau: Sát nhập trường Cao đẳng Y tế thành phân hiệu của trường Đại học Tiền Giang hoặc sát nhập vào trường Cao đẳng Tiền Giang; Sát nhập các trường Trung cấp Kỹ thuật-Nghiệp vụ Cái Bè, Trung cấp Cai Lậy, Trung cấp Gò Công thành các phân hiệu của trường Cao đẳng Tiền Giang; Sát nhập trường Cao đẳng Tiền Giang và Cao đẳng Cộng đồng Đồng Tháp

- Phương án phát triển hạ tầng giáo dục đại học

+ Đầu tư phát triển hạ tầng giáo dục đại học của Trường Đại học Đồng Tháp theo hướng đồng bộ, hiện đại nhằm đáp ứng yêu cầu mở rộng quy mô đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tạo nền tảng để từng bước chuyển Trường Đại học Đồng Tháp thành mô hình “Đại học Đồng Tháp” đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực sau năm 2030; đồng thời bảo đảm điều kiện triển khai hiệu quả nhiệm vụ của Trường là cơ sở giáo dục đại học chủ chốt đào tạo giáo viên của Việt Nam theo Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và sư phạm quốc gia. Đầu tư xây dựng mới các hạng mục công trình trọng điểm, trong đó ưu tiên xây dựng “Tòa nhà điều hành và nghiên cứu” cho Trường Đại học Đồng Tháp nhằm tăng cường năng lực quản trị đại học, tổ chức điều hành, đồng thời phục vụ hoạt động nghiên cứu, thực hành, đổi mới sáng tạo và chuyển giao công nghệ; tạo điều kiện thuận lợi cho đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học trong và ngoài nước đến làm việc, nghiên cứu và hợp tác. Gắn đầu tư cơ sở vật chất với việc hình thành các trung tâm nghiên cứu và trung tâm bồi dưỡng giáo viên cấp vùng, phục vụ trực tiếp nhiệm vụ đào tạo giáo viên chủ chốt theo quy hoạch mạng lưới quốc gia.

+ Đại học Tiền Giang: Thành lập mới Khoa Y thuộc trường Đại học Tiền Giang là đơn vị chuyên môn tổ chức đào tạo nguồn nhân lực có trình độ đại học trong lĩnh vực sức khỏe; nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học công nghệ, đóng góp thiết thực, hiệu quả vào sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe cho nhân dân tỉnh Đồng Tháp và các tỉnh Khu vực đồng bằng sông Cửu Long. Phân đầu đạt tiêu chuẩn về cơ sở vật chất và trang thiết bị theo tiêu chí đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục đại học, Từng bước đầu tư các phòng thí nghiệm và thực hành chuyên sâu, đặc biệt là đối với các ngành khoa học công nghệ, kỹ thuật và nông nghiệp. Đầu tư có trọng tâm vào các hạng mục công trình đã được phê duyệt; trong đó chú trọng đến việc đầu tư các trang thiết bị phục vụ chuyển đổi số. Hoàn thành xây dựng ký túc xá, cải thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật: nâng cấp hệ thống điện, nước, internet nhằm đảm bảo vận hành ổn định và tiết kiệm năng lượng. Lắp đặt hệ thống năng lượng mặt trời và hệ thống chiếu sáng LED tiết kiệm điện trong toàn bộ khuôn viên trường.

3. Phương hướng phát triển hạ tầng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo

Phát triển hạ tầng khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh Đồng Tháp theo hướng đồng bộ, hiện đại và lấy nhu cầu thực tiễn làm trung tâm. Hạ tầng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo đóng vai trò “đòn bẩy” chiến lược để nâng cấp chuỗi giá trị nông nghiệp, công nghiệp chế biến, logistics và dịch vụ tập trung:

- Phát triển hạ tầng cứng: tập trung nguồn lực bổ sung, hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, bao gồm các vườn ươm doanh nghiệp, trung tâm đổi mới sáng tạo và hệ thống phòng thí nghiệm hiện đại. Trọng tâm là đưa vào vận

hành chính thức Không gian Khởi nghiệp và Đổi mới sáng tạo, xác lập vai trò hạt nhân trong việc kết nối mạng lưới chuyên gia, đối tác và cộng đồng khởi nghiệp đa phương. Thông qua việc cung cấp hệ sinh thái tiện ích toàn diện từ không gian làm việc chung đến hỗ trợ kỹ thuật và thiết bị nghiên cứu, phát triển sản phẩm (R&D), tinh hướng tới mục tiêu mở rộng quy mô lực lượng doanh nghiệp khoa học công nghệ và khởi nghiệp sáng tạo nòng cốt. Bên cạnh đó, các chương trình đào tạo chuyên sâu và Cuộc thi Khởi nghiệp và Đổi mới sáng tạo năm 2025 sẽ được triển khai đổi mới, tạo đòn bẩy mạnh mẽ khơi dậy tư duy sáng tạo trong mọi tầng lớp nhân dân, từ thanh niên, phụ nữ đến nông dân và cộng đồng doanh nghiệp địa phương.

- Xây dựng và phát triển mạng lưới liên kết chặt chẽ giữa các tổ chức khoa học và công nghệ độc lập, nhằm tạo dựng môi trường cộng tác năng động cho hệ sinh thái khởi nghiệp. Trong đó, trọng tâm là vận hành thí điểm không gian làm việc chung hỗ trợ doanh nghiệp, đồng thời triển khai đồng bộ các chương trình kết nối cộng đồng khởi nghiệp trong và ngoài tỉnh, kết hợp với công tác đào tạo, tập huấn chuyên sâu nhằm nâng cao năng lực cho đội ngũ doanh nhân.

- Huy động nguồn lực trí tuệ: hình thành mạng lưới chuyên gia cố vấn công nghệ chiến lược của Tỉnh; đặc biệt chú trọng kết nối, thu hút nguồn lực từ chuyên gia kiều bào và trí thức Việt Nam ở nước ngoài.

Đến năm 2030, hình thành trục hạ tầng số, dữ liệu và đổi mới sáng tạo cấp tỉnh, bảo đảm kết nối số chất lượng cao đến các khu dân cư, vùng sản xuất tập trung, khu công nghiệp, trung tâm y tế, giáo dục và điểm du lịch. Hoàn thiện nền tảng dữ liệu dùng chung và cơ chế chia sẻ dữ liệu liên thông giữa các ngành, phục vụ hiệu quả quản lý nhà nước, điều hành thông minh và cung cấp dịch vụ công. Từng bước phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, thúc đẩy nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao và thương mại hóa công nghệ, tạo động lực cho doanh nghiệp đổi mới quy trình sản xuất, quản trị và phát triển sản phẩm.

Tầm nhìn đến năm 2050, Đồng Tháp hướng tới mô hình quản trị dựa trên dữ liệu, kinh tế số phát triển sâu rộng, hệ sinh thái đổi mới sáng tạo trưởng thành và hạ tầng an toàn thông tin đáp ứng yêu cầu bền vững.

4. Phương hướng phát triển hạ tầng văn hóa, thể dục, thể thao

a) Phương hướng phát triển hạ tầng văn hóa

Cải tạo nâng cấp và xây mới một số thiết chế văn hóa từ tỉnh đến cơ sở; đầu tư trang thiết bị, đến năm 2030 đạt 102/102 xã có Trung tâm Văn hóa –Thể Thao, có phòng đọc sách đạt chuẩn theo quy định của Bộ VH-TT-DT;

Tăng cường xúc tiến đầu tư vào các công trình văn hóa thuộc lĩnh vực điện ảnh, phát hành phim, chiếu bóng. Tăng cường cơ sở vật chất phát triển các hoạt động dịch vụ thư viện, thư viện điện tử.

Đầu tư, tu bổ, nâng cấp các di tích, văn hóa phi vật thể nhằm gắn kết chặt chẽ giữa văn hóa với thể thao; làm nền tảng để gắn kết, phát triển du lịch. Tổ chức bảo quản, tu bổ, phục hồi Di tích khảo cổ và kiến trúc nghệ thuật Gò Tháp.

Nâng cấp bảo tàng tỉnh thành nhà bảo tàng Đồng Tháp Mười. Đầu tư cải tạo nội thất Bảo tàng theo mô hình chính quy, hiện đại phong cách Smart Museum với các khu trưng bày sử dụng nhiều ứng dụng công nghệ hiện đại, tương tác thông minh. Đẩy mạnh công tác sưu tầm hiện vật, đầu tư cải tạo các kho bảo quản hiện đại, đạt tiêu chuẩn, ưu tiên kho trưng bày Bảo vật quốc gia.

Đầu tư, nâng cấp Trung tâm Văn hóa Nghệ thuật Tỉnh như là Trung tâm hội nghị tổ chức các hoạt động văn hóa, biểu diễn nghệ thuật xứng tầm

b) Phương hướng phát triển hạ tầng thể dục, thể thao

Tập trung kêu gọi đầu tư các công trình hạ tầng TDTT mới mang tính hiện đại, đột phá và đặc thù phát triển của Đồng Tháp về bóng đá trẻ, đá cầu, các môn thể thao dưới nước, aerobic...

Duy tu, bảo dưỡng các công trình hiện có tại khu Liên hợp TDTT tỉnh. Mua sắm trang thiết bị phòng hồi phục thể lực VDV, nâng cấp các công trình TDTT tại khu Liên hợp TDTT Tỉnh.

Đảm bảo 80% - 90% số xã hoàn thành và đưa vào sử dụng 3 công trình thể thao cơ bản gồm: nhà tập luyện thi đấu TDTT, sân bóng đá 11 người, bể bơi. Mở rộng hệ thống sân bóng chuyên, sân bóng đá mini tại cấp ấp nhằm tăng khả năng tiếp cận hoạt động thể thao của cộng đồng.

Khuyến khích xã hội hóa đầu tư các công trình thể thao gắn với du lịch, dịch vụ và nghỉ dưỡng, trong đó nghiên cứu kêu gọi đầu tư các sân golf tại các khu du lịch nghỉ dưỡng phù hợp, khai thác hiệu quả quỹ đất có giá trị sản xuất nông nghiệp thấp, lưu ý hài hòa giữa phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường và sinh kế người dân.

5. Phương hướng phát triển hạ tầng du lịch

Huy động các nguồn lực đầu tư hạ tầng giao thông, nâng cao khả năng kết nối giao thông đến các khu di tích, điểm du lịch, khu vực động lực phát triển du lịch và khu vực có tiềm năng du lịch. Đầu tư các bãi đỗ xe, bến tàu khách du lịch; điểm dừng, nghỉ và khu vệ sinh công cộng trên các tuyến đường bộ phục vụ phát triển du lịch.

Hoàn thiện hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin, đẩy nhanh thực hiện chuyển đổi số trong du lịch; số hóa các thông tin, tài liệu về điểm đến, xây dựng các kho nội dung số, hướng tới hình thành và phát triển hệ sinh thái du lịch thông minh.

Thu hút xây dựng các cơ sở lưu trú (quan tâm nhiều đến đầu tư cơ sở lưu trú đạt chất lượng 4 sao – 5 sao), cơ sở vui chơi giải trí, khu nghỉ dưỡng phức hợp cao cấp. Đồng thời đầu tư, hình thành trung tâm tổ chức hội nghị, triển lãm, giải trí, hiện đại tại khu vực động lực phát triển du lịch.

Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực phục vụ du lịch chất lượng cao.

6. Phương hướng phát triển hạ tầng thương mại

Đến năm 2030, mục tiêu của tỉnh là hoàn thiện một khung hạ tầng thương mại đồng bộ, hiện đại, có khả năng đáp ứng nhu cầu luân chuyển hàng hóa quy mô lớn của vùng kinh tế trọng điểm Đồng bằng sông Cửu Long. Về hạ tầng thương mại hiện đại, tỉnh phấn đấu phát triển mạng lưới gồm 15 trung tâm thương mại tại các trung tâm đô thị, tạo nên diện mạo sầm uất và cung cấp dịch vụ cao cấp. Song song đó, hệ thống siêu thị được phủ kín đến cấp xã với mục tiêu đạt 44 siêu thị tổng hợp và chuyên doanh, đóng vai trò là kênh phân phối hàng tiêu dùng chất lượng cao và bình ổn giá cả thị trường. Sự phát triển của nhóm hạ tầng này sẽ là động lực chính để nâng tỷ trọng bán lẻ hiện đại của tỉnh lên mức 40-45%.

Đối với hạ tầng thương mại đầu mối và logistics, đây là khâu đột phá chiến lược trong quy hoạch tỉnh mới. Mục tiêu đến năm 2030 là hình thành 24 chợ đầu mối chuyên ngành đạt chuẩn, phân bố tại các vùng nguyên liệu trọng điểm phía Tây và vùng thủy sản phía Đông. Đồng thời, đầu tư mạng lưới 10 trung tâm logistics cấp vùng và cấp tỉnh, được bố trí tại khu kinh tế biên giới và ven biển, tại Mỹ Tho, Tân Phước, Cai Lậy, Cao Lãnh, Lấp Vò các nút giao cao tốc, cửa khẩu quốc tế và cảng biển, tạo thành chuỗi cung ứng khép kín giúp giảm chi phí vận tải và gia tăng năng lực cạnh tranh cho nông sản địa phương. Hệ thống này sẽ chuyển đổi vai trò của tỉnh từ nơi sản xuất thô thành trung tâm giao dịch và phân phối nông sản quốc tế.

Về hệ thống chợ truyền thống, mục tiêu là tinh gọn số lượng và nâng cao chất lượng hoạt động. Tỉnh sẽ tập trung nguồn lực để duy trì, nâng cấp và kiên cố hóa hệ thống chợ hạng I tại các trung tâm đô thị của tỉnh để làm đầu mối thu gom và phân luồng hàng hóa. Đối với mạng lưới chợ truyền thống, mục tiêu nâng cấp theo hướng đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và văn minh thương mại. Riêng đối với hệ thống chợ dân sinh, duy trì và sắp xếp lại các chợ tại các xã, phường; trong đó ưu tiên đầu tư hạ tầng cho các chợ vùng biên giới, hải đảo và kiên quyết giải tỏa các điểm chợ tạm bợ lấn chiếm hành lang giao thông để đảm bảo mỹ quan và trật tự đô thị.

Tầm nhìn đến năm 2050, hệ thống hạ tầng thương mại tỉnh Đồng Tháp sẽ phát triển tiệm cận với các chuẩn mực quốc tế, trở thành một trung tâm giao thương và logistics xanh của khu vực Tiểu vùng sông Mê Kông. Các chợ đầu mối sẽ chuyển đổi thành sàn giao dịch hàng hóa số hóa; các trung tâm thương mại và

logistics sẽ vận hành theo mô hình thông minh, sử dụng năng lượng tái tạo, đóng góp chủ đạo vào tăng trưởng kinh tế bền vững của tỉnh.

Các mục tiêu cụ thể phát triển hạ tầng thương mại của Đồng Tháp đến năm 2030 như sau:

- Duy trì và nâng cấp các trung tâm thương mại hiện hữu, mời gọi đầu tư mới 11 trung tâm thương mại; lũy kế đến năm 2030, tổng số trung tâm thương mại toàn tỉnh đạt 15 trung tâm;

- Đầu tư mới 18 siêu thị; lũy kế đến năm 2030, tổng số siêu thị toàn tỉnh đạt 44 siêu thị;

- Nâng cấp 116 chợ truyền thống; xây mới trên nền cũ hoặc di dời, xây mới 29 chợ;

- Đầu tư mới 10 trung tâm logistics và 24 chợ đầu mối, trung tâm đầu mối trên toàn địa bàn tỉnh.

VIII. ĐỊNH HƯỚNG SỬ DỤNG ĐẤT

1. Nguồn lực đất đai được tổng hợp, đánh giá, kiểm kê, thống kê đất đai đầy đủ; sử dụng hiệu quả, tiết kiệm, bền vững, tầm nhìn dài hạn, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu; phù hợp với chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030 được phân bổ cho Tỉnh.

2. Chỉ tiêu sử dụng đất và diện tích thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất từ nhóm đất nông nghiệp sang nhóm đất phi nông nghiệp, được xác định trên cơ sở tuân thủ chỉ tiêu quốc gia, định hướng phát triển ngành, lĩnh vực và nhu cầu sử dụng đất của địa phương, làm cơ sở triển khai các phương án phát triển không gian và các dự án trọng điểm.

3. Việc triển khai các dự án sau khi điều chỉnh Quy hoạch tỉnh được phê duyệt phải phù hợp với chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030, kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021 - 2025 và các quyết định điều chỉnh của cấp có thẩm quyền.

4. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất cho cấp xã, đảm bảo thống nhất với định hướng sử dụng đất làm căn cứ thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất theo quy định pháp luật

IX. PHƯƠNG HƯỚNG BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG; KHAI THÁC, SỬ DỤNG, BẢO VỆ TÀI NGUYÊN, PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

1. Phương hướng bảo vệ môi trường

a) Phân vùng môi trường

Phân vùng bảo vệ môi trường tỉnh Đồng Tháp theo 03 vùng làm cơ sở triển khai các biện pháp bảo vệ môi trường, gồm: (1) Vùng bảo vệ nghiêm ngặt là khu vực trung tâm đô thị, khu dân cư tập trung, các khu vực khai thác nguồn nước mặt phục vụ cấp nước sinh hoạt và khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa. (2) Vùng hạn chế phát thải là các khu dân cư đô thị còn lại, trung tâm các xã, hành lang bảo vệ nguồn nước mặt theo quy định pháp luật. (3) Vùng bảo vệ khác là các khu, cụm công nghiệp, cụm cảng và các khu vực còn lại trên địa bàn tỉnh.

b) Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học

Bảo tồn và phát huy các giá trị về thiên nhiên, đa dạng sinh học, các loài sinh vật, nguồn gen và hệ sinh thái đặc trưng của tỉnh; ngăn chặn suy giảm đa dạng sinh học, khai thác bền vững, sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên. Duy trì, phục hồi các hệ sinh thái quan trọng, đặc biệt là hệ sinh thái đất ngập nước, sông, cù lao; gắn bảo tồn với phát triển du lịch sinh thái, giáo dục môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu.

c) Phát triển mạng lưới quan trắc môi trường

Hoàn thiện cơ sở dữ liệu môi trường; đầu tư hạ tầng, trang thiết bị quan trắc môi trường tự động, liên tục; xây dựng mạng lưới trạm quan trắc phục vụ giám sát chất lượng không khí, nước mặt, nước dưới đất, chất thải tại các khu đô thị, khu công nghiệp và khu vực nhạy cảm về môi trường.

2. Phương hướng bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên khoáng sản

Khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản phù hợp với đặc điểm, tiềm năng của mỗi loại khoáng sản, đảm bảo hiệu quả kinh tế - xã hội và môi trường, gắn với đảm bảo an ninh, quốc phòng, hài hòa giữa lợi ích quốc gia, địa phương và doanh nghiệp; sử dụng khoáng sản hợp lý, hiệu quả và bảo vệ cảnh quan thiên nhiên, di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh và các tài nguyên thiên nhiên khác.

Đẩy nhanh công tác khảo sát, đánh giá hiện trạng, đề xuất quản lý khai thác khoáng sản cát trên lòng sông Tiền, sông Hậu; Tiếp tục đầu tư thăm dò, đánh giá trữ lượng đáp ứng nhu cầu khai thác, chế biến đến năm 2050; hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản phải tuân thủ quy hoạch, đảm bảo sử dụng tiết kiệm, hiệu quả, bảo vệ môi trường; sử dụng công nghệ tiên tiến để thu hồi thành phần có ích, kiểm soát chất thải trong quá trình khai thác, chế biến khoáng sản.

3. Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước; phòng chống, khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra

a) Mục tiêu phân bổ, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước

Căn cứ các quy định tại Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15, kết hợp với điều kiện tự nhiên và định hướng phát triển mới, công tác quy hoạch tài

nguyên nước trên địa bàn tỉnh hướng tới mục tiêu chiến lược: “Đảm bảo an ninh nguồn nước, đáp ứng đầy đủ nhu cầu cho phát triển kinh tế - xã hội, sức khỏe cộng đồng và an sinh xã hội; thực hiện phân bổ, điều hòa nguồn nước theo nguyên tắc công bằng, hợp lý và tối ưu hóa giá trị kinh tế.”

Trên cơ sở đó, quy hoạch phân bổ tài nguyên nước của tỉnh tập trung vào 4 nhiệm vụ trọng tâm sau:

- Ưu tiên nguồn nước sinh hoạt: Đảm bảo khả năng tiếp cận nguồn nước sạch, chất lượng cho toàn bộ dân cư trên địa bàn tỉnh. Đặc biệt ưu tiên các khu vực vùng sâu, vùng xa, các khu vực có điều kiện hạ tầng khó khăn hoặc thường xuyên chịu tác động của hạn hán, xâm nhập mặn.

- Điều hòa và phân bổ nguồn nước đa mục tiêu: Đảm bảo tổng lượng nước có chất lượng phù hợp cho từng tiểu vùng quy hoạch và từng đối tượng khai thác, sử dụng. Việc phân bổ phải dựa trên khả năng đáp ứng của nguồn nước và yêu cầu phát triển kinh tế bền vững của các ngành công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ trên địa bàn tỉnh.

- Duy trì dòng chảy tối thiểu và bảo tồn hệ sinh thái: Đảm bảo ngưỡng dòng chảy để duy trì, phục hồi các hệ sinh thái thủy sinh, hệ sinh thái đất ngập nước và ven sông. Đặc biệt chú trọng bảo vệ môi trường sống cho các loài thủy sản có giá trị kinh tế cao, loài đặc hữu và các loài gắn liền với sinh kế của cộng đồng địa phương.

- Bảo vệ và phục hồi các dòng chảy chính: Triển khai các biện pháp bảo vệ hành lang bảo vệ nguồn nước, phòng chống ô nhiễm, suy thoái và cạn kiệt nguồn nước đối với các trục giao thông thủy và dòng chảy chính trên toàn địa bàn tỉnh.

b) Phân vùng tài nguyên nước

Dựa trên đặc điểm thủy văn, tỉnh Đồng Tháp mới được chia thành 4 vùng cấp nước chính:

- Vùng I (Dọc sông Tiền): Bao gồm diện tích các xã Thường Phước, phường Hồng Ngự, xã Thanh Bình, xã Tân Hồng, phường Cao Lãnh... Nguồn cấp chính là sông Tiền và các sông Sở Thượng, Sở Hạ, ưu tiên cho lúa chất lượng cao và cá tra thâm canh.

• Vùng II (Đồng Tháp Mười): Bao gồm Xã Tháp Mười, các đơn vị Xã Tân Phước 1, 2, 3, cùng một phần diện tích các xã Tam Nông và xã Tràm Chim. Nguồn nước chính từ sông Tiền qua các kênh trục dọc, chú trọng thau chua rửa phèn và trữ ngọt cho cây khóm và lúa.

• Vùng III (Kẹp giữa sông Tiền và sông Hậu): Bao gồm Phường Sa Đéc, xã Lấp Vò, xã Lai Vung và xã Châu Thành. Khu vực này khai thác nước từ cả sông

Tiền và sông Hậu, ưu tiên cho các khu công nghiệp, vùng hoa kiểng Sa Đéc và cây ăn trái.

- Vùng IV (Vùng ven biển phía Đông): Khu vực phường Gò Công và xã Tân Phú Đông. Đây là vùng khan hiếm nước ngọt, được phân bổ nước qua hệ thống ngọt hóa Gò Công và tiếp ngọt từ các trạm bơm nước thô tại xã Cái Bè mới.

c) Phân bổ tài nguyên nước

Trong mọi điều kiện (bình thường hoặc thiếu nước), thứ tự ưu tiên được xác định nghiêm ngặt như sau:

- Ưu tiên 1 (Cao nhất): Đáp ứng 100% nhu cầu nước sinh hoạt cho người dân, không phân biệt ranh giới hành chính.
- Ưu tiên 2: Phục vụ an sinh xã hội, y tế, giáo dục và các ngành sản xuất có giá trị kinh tế - xã hội cao (KCN, CCN trọng điểm).
- Ưu tiên 3: Nông nghiệp (trồng trọt và chăn nuôi), ưu tiên các vùng chuyên canh cây ăn trái đặc sản và nông nghiệp công nghệ cao.
- Ưu tiên 4: Nuôi trồng thủy sản nước ngọt (đặc biệt là ngành hàng cá tra chủ lực).
- Ưu tiên 5: Dịch vụ, du lịch và giao thông thủy.

d) Phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra, xây dựng và triển khai kế hoạch quan trắc, dự báo, cảnh báo triều cường, ngập úng, nước biển dâng; củng cố hệ thống đê sông, công ngăn mặn - giữ ngọt; phòng, chống sạt lở bờ sông, xâm nhập mặn; rà soát, điều chỉnh cơ cấu cây trồng tại khu vực có nguy cơ thiếu nước, đảm bảo an toàn sản xuất và đời sống dân sinh.

4. Phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu

a) Phân vùng rủi ro đối với từng loại thiên tai trên địa bàn tỉnh và xác định các khu vực ưu tiên phòng, chống đối với từng loại thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp, nguy cơ ngập lụt tập trung chủ yếu tại vùng trũng phía Bắc và khu vực Đồng Tháp Mười, nơi địa hình thấp, khả năng tiêu thoát nước hạn chế, thường chịu ảnh hưởng trực tiếp của lũ từ thượng nguồn, gây ngập sâu và kéo dài trong mùa mưa lũ. Vùng trung tâm và ven sông Tiền có nguy cơ ngập lụt trung bình, không chỉ do lũ mà còn do triều cường dâng kết hợp mưa lớn, làm mực nước sông, kênh rạch tăng cao và gây ngập cục bộ các khu dân cư, đô thị và trục giao thông thấp. Khu vực phía Tây và Tây Nam có cao trình tương đối cao hơn nên nguy cơ ngập thấp, chủ yếu xuất hiện ngập cục bộ khi xảy ra mưa lớn kéo dài hoặc khi hệ thống thoát nước đô thị, khu dân cư chưa đáp ứng.

Rủi ro sạt lở trên địa bàn tỉnh phân bố rõ nét dọc sông Tiền, sông Hậu và các tuyến kênh trục lớn, nơi có dòng chảy mạnh, địa chất bờ yếu hoặc mật độ hoạt động giao thông thủy và bến bãi cao. Đây là các khu vực có nguy cơ sạt lở cao,

thường xuyên ghi nhận diễn biến phức tạp và có thể đe dọa trực tiếp đến nhà ở, hạ tầng và sản xuất ven sông. Vùng kênh rạch nội đồng có nguy cơ trung bình, phụ thuộc vào đặc tính đất và biến động dòng chảy theo mùa. Những khu vực xa sông lớn hoặc có bờ kè ổn định nhìn chung có nguy cơ thấp.

Nguy cơ hạn hán và thiếu nước trên địa bàn tỉnh thể hiện rõ tại các vùng xa trục sông chính, phụ thuộc chủ yếu vào hệ thống kênh trục, dễ xảy ra khô hạn cục bộ trong mùa khô khi nhu cầu nước tăng cao. Ảnh hưởng xâm nhập mặn chủ yếu tập trung ở khu vực phía Đông ven biển, nơi chịu tác động lan truyền mặn từ sông Tiền trong những năm dòng chảy thượng nguồn suy giảm, làm suy giảm chất lượng nguồn nước mặt phục vụ sinh hoạt và sản xuất.

Các hiện tượng giông lốc, dông sét và mưa lớn xảy ra phổ biến trên toàn tỉnh, song mức độ rủi ro khác nhau tùy theo đặc điểm dân cư và hạ tầng. Khu dân cư nông thôn, nơi còn nhiều nhà ở bán kiên cố và mái tôn, có nguy cơ thiệt hại cao khi giông lốc xảy ra. Trong khi đó, khu vực đô thị có hạ tầng kiên cố hơn nên ít bị ảnh hưởng bởi gió mạnh nhưng lại tiềm ẩn nguy cơ ngập đô thị cục bộ do mưa lớn vượt quá năng lực tiêu thoát. Những khu vực ít dân cư hoặc có cây xanh – mặt nước ổn định thường có mức độ rủi ro thấp hơn.

b) Phương hướng phòng chống lũ của các tuyến sông có đê

Hiện trạng hệ thống đê bao, bờ bao trên địa bàn tỉnh còn tồn tại nhiều bất cập: các ô bao nhỏ, manh mún, cao trình đỉnh không đồng đều, nhiều đoạn xuống cấp hoặc bị tràn trong các đợt mưa lớn, lũ theo tần suất thiết kế. Kết quả tính toán cho thấy theo tần suất $P = 10\%$ vẫn còn tới 101 ô bao bị tràn với tổng diện tích chịu ảnh hưởng khoảng 41.439 ha, tập trung tại nhiều xã, phường có quy mô sản xuất lớn như Hồng Ngự, Hậu Mỹ, Mỹ Thiện, Tân Hồng, Tân Long... Điều này vừa làm tăng rủi ro ngập úng, mất an toàn cho sản xuất và đời sống dân sinh, vừa làm gia tăng chi phí quản lý, vận hành và duy tu do hệ thống công trình phân tán, thiếu tính đồng bộ.

Trên cơ sở đó, phương án phòng chống lũ đối với các tuyến sông có đê của tỉnh, giai đoạn đến năm 2030 tập trung vào việc chuẩn hóa và nâng cấp hệ thống đê bao, bờ bao hiện hữu. Trọng tâm là nâng cao cao trình đỉnh đê, gia cố mái và thân đê tại các đoạn xung yếu, thay thế các cống, bọng và trạm bơm không còn đáp ứng yêu cầu tiêu – giữ nước theo thiết kế, đồng thời từng bước khép kín các ô bao ưu tiên. Cách tiếp cận này nhằm giải quyết trực diện nguy cơ tràn theo tần suất thiết kế, rút ngắn thời gian tiêu úng sau mưa, lũ, bảo đảm lịch thời vụ và tăng độ an toàn cho các vùng lúa chất lượng cao, khu dân cư và hạ tầng thiết yếu.

Sau năm 2030, định hướng phát triển hệ thống đê điều và kết cấu hạ tầng phòng, chống thiên tai chuyển sang giai đoạn tổ chức lại không gian đê bao theo hướng hợp lý hơn về quy mô và cấu trúc. Các ô bao nhỏ manh mún được từng bước gom lại thành các ô vừa và lớn, có tuyến đê – đường bao ngoài khép kín, đi

kèm với hệ thống công, trạm bơm và kênh nội đồng được đồng bộ hóa. Cấu trúc mới này cho phép điều tiết nước trên không gian đủ rộng, bảo đảm mực nước nội đồng đồng đều giữa đầu và cuối tuyến, hỗ trợ kiểm soát độ sâu nước phù hợp với từng giai đoạn sinh trưởng của cây lúa, rút ngắn thời gian ngập về mức thiết kế khi gặp mưa lớn hoặc lũ, đồng thời giảm nguy cơ ngộ độc hữu cơ và sâu bệnh sau ngập.

Việc hoàn thiện hệ thống đê điều theo hướng gom ô bao còn đem lại hiệu quả rõ rệt về vận hành và kinh tế: giảm số lượng đầu mối (công, bông, trạm bơm), rút ngắn chiều dài tuyến phải duy tu, tập trung bảo dưỡng vào tuyến vành đai ngoài dễ cơ giới hóa và kiểm tra; qua đó giảm chi phí thường xuyên, nâng cao độ tin cậy cấp tiêu và tăng khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu. Tuyến đê – đường ngoài liên tục cũng tạo điều kiện thuận lợi cho cơ giới hóa và dịch vụ sau thu hoạch, giảm tổn thất và nâng cao chất lượng hạt lúa, góp phần nâng sức cạnh tranh của chuỗi lúa gạo của tỉnh. Đi kèm với đó là việc tăng cường hệ thống quan trắc, cảnh báo, quản lý hành lang bảo vệ đê và gắn kết đê điều với hạ tầng giao thông, thủy lợi, hình thành một mạng lưới kết cấu hạ tầng phòng, chống thiên tai hiện đại, đồng bộ, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững trong dài hạn.

c) Xây dựng phương hướng phát triển hệ thống đê điều và kết cấu hạ tầng phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh

Phương hướng phát triển hệ thống đê điều và kết cấu hạ tầng phòng, chống thiên tai của tỉnh Đồng Tháp được xác định theo mục tiêu nâng cao năng lực chống chịu trước lũ, ngập do mưa lớn và triều cường, sạt lở bờ sông, đồng thời tăng cường khả năng điều tiết, tiêu thoát và trữ nước phục vụ phát triển kinh tế xã hội bền vững. Hệ thống đê điều được đầu tư theo hướng đồng bộ giữa tuyến đê, công trình trên đê và công trình hỗ trợ vận hành, bảo đảm liên kết giữa phòng chống thiên tai và quy hoạch không gian phát triển.

Về đê điều, tập trung nâng cấp, gia cố các tuyến đê trọng yếu bảo vệ dân cư và hạ tầng thiết yếu; cải tạo mặt cắt, gia cường kết cấu, xử lý nền, chống thấm, hoàn thiện mái đê và các vị trí xung yếu. Đồng thời, đầu tư hệ thống kè và giải pháp chỉnh trị tại các đoạn bờ sông có nguy cơ sạt lở cao; tổ chức quan trắc diễn biến bờ sông, kiểm soát khai thác cát và hoạt động tác động đến lòng, bờ, bãi sông nhằm giảm thiểu rủi ro lâu dài.

Về kết cấu hạ tầng phòng, chống thiên tai, ưu tiên hoàn thiện hệ thống công, trạm bơm, cửa tiêu thoát trên các tuyến đê và đê bao; nâng cấp các tuyến kênh trục tiêu thoát lũ, kênh dẫn và hệ thống công trình điều tiết để chủ động phân phối dòng chảy, giảm ngập cục bộ và bảo đảm cấp nước mùa kiệt. Phát triển đường quản lý đê kết hợp giao thông nông thôn, bảo đảm vận hành và ứng cứu nhanh khi có sự cố; bố trí điểm tránh trú, sơ tán an toàn, kho vật tư dự phòng và trang thiết bị cứu hộ tại các khu vực trọng điểm.

Về quản lý vận hành, đẩy mạnh hiện đại hóa công tác quản lý đê điều theo hướng số hóa dữ liệu công trình, kiểm tra định kỳ, giám sát an toàn theo thời gian thực tại các điểm xung yếu; xây dựng quy trình vận hành liên hoàn giữa đê, cống, trạm bơm và hệ thống điều tiết nội đồng theo ngưỡng mực nước. Tăng cường phối hợp liên ngành và liên địa phương, kết hợp truyền thông cộng đồng, diễn tập ứng phó thiên tai, từng bước nâng cao năng lực phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai trên toàn tỉnh.

d) Xây dựng phương hướng quản lý rủi ro thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh

Đối với rủi ro thiên tai cấp 1

- Duy trì hệ thống thoát nước – kênh mương – đê bao ở trạng thái vận hành tốt, bảo dưỡng định kỳ để tránh xuống cấp và tránh phát sinh điểm ngập mới trong đô thị và nông thôn.

- Theo dõi sát thông tin dự báo khí tượng thủy văn, cập nhật bản tin ngày/tuần cho người dân và chính quyền cấp xã, đảm bảo mọi diễn biến đều được nhận diện sớm.

- Tổ chức tuyên truyền thường xuyên (truyền thanh, họp dân, trường học) về kỹ năng phòng tránh giông lốc, ngập cục bộ, triều cường nhẹ và cách xử lý tình huống.

- Kiểm soát phát triển không gian đô thị, tránh mở rộng vào các vùng trũng ngập theo tự nhiên hoặc hành lang thoát nước, nhằm hạn chế tăng phơi nhiễm.

- Khuyến khích cộng đồng áp dụng giải pháp tự bảo vệ như gia cố mái nhà, trồng cây chắn gió đúng quy trình, kê cao tài sản khi mưa lớn.

Đối với rủi ro thiên tai cấp 2

- Cải thiện công trình tiêu thoát nước: nạo vét kênh tiêu, mương thoát nước; thay thế – sửa chữa bờ bao, cống xả không còn đảm bảo tiêu úng nhanh.

- Gia cố các đoạn trũng thấp, đặc biệt khu dân cư ven sông, kênh, vùng thường bị triều cường tràn bờ, nhằm giảm nguy cơ ngập bất ngờ.

- Tăng cường hoạt động cảnh báo sớm, thông báo ngay khi mực nước, triều hoặc tiên lượng mưa đạt ngưỡng có thể gây rủi ro.

- Điều chỉnh lịch thời vụ nông nghiệp, khuyến cáo các giống cây trồng chịu ngập hoặc chịu hạn, áp dụng giải pháp tưới tiết kiệm nước trong mùa khô.

- Hạn chế cấp phép xây dựng mới tại các vị trí nguy cơ, yêu cầu đánh giá rủi ro thiên tai trước khi xây dựng nhà ở hoặc mở rộng khu dân cư.

- Chuẩn bị lực lượng xung kích cấp xã, đảm bảo có phương tiện, vật tư ứng phó khi xảy ra mưa lớn, triều cường, sự cố sạt lở nhỏ

Đối với rủi ro thiên tai cấp 3

- Nâng cấp hệ thống công trình phòng chống thiên tai: đê – kè – bờ bao, trạm bơm tiêu úng khi mưa, triều cường hoặc lũ về.

- Thiết lập hành lang an toàn ven sông – kênh, nghiêm cấm xây dựng công trình kiên cố sát bờ; kiểm tra tải trọng phương tiện và hoạt động khai thác cát.

- Thiết lập các điểm sơ tán tạm thời, chuẩn bị kho vật tư dự trữ: bao cát, bạt, dây neo, xuồng, áo phao; công bố tuyến di chuyển khi nước lên hoặc có nguy cơ sạt lở.

- Giám sát tự động mực nước, độ mặn, độ đục, tốc độ dòng chảy, biến động bờ sông; chia sẻ dữ liệu liên thông giữa các sở/ngành.

- Chuyển đổi sinh kế: áp dụng mô hình lúa – cá, lúa – tôm, cây chịu hạn; tổ chức sản xuất theo vùng, tránh trồng cây mẫn cảm với ngập hoặc thiếu nước.

- Rà soát lại tất cả dự án cấp phép trong khu vực, yêu cầu tăng tiêu chuẩn an toàn và đánh giá rủi ro trước khi triển khai.

Đối với rủi ro thiên tai cấp 4

- Khoanh vùng cấm phát triển, không bố trí dân cư mới, công nghiệp, kho bãi, cảng, bệnh viện, trường học tại khu vực nguy cơ rất cao.

- Triển khai các dự án công trình quy mô lớn: kè chống sạt lở cấp bách, công kiểm soát mặn quy mô vùng, nâng cấp đê bao kiên cố, mở rộng các vùng trữ lũ.

- Thực hiện di dời – tái định cư bền vững, ưu tiên hộ dân sống ven sông, vùng ngập sâu, vùng triều cường tràn bờ, vùng sạt lở uy hiếp tính mạng.

- Trục ban 24/7, đặt cấp báo động cao; kích hoạt các kịch bản sơ tán dân theo từng tình huống diễn biến.

- Huy động lực lượng công an – quân đội – dân quân, bố trí phương tiện, thiết bị chuyên dụng hỗ trợ vận chuyển, cứu hộ và di chuyển người dân.

- Cảnh báo đa kênh rộng rãi: loa truyền thanh, tin nhắn SMS, mạng xã hội, ứng dụng cảnh báo.

Đối với rủi ro thiên tai cấp 5

- Kích hoạt trạng thái khẩn cấp cấp tỉnh; thiết lập sở chỉ huy tiền phương, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng ngành, từng địa phương.

- Tổ chức sơ tán quy mô lớn, ưu tiên vùng ngập sâu, ven sông có nguy cơ vỡ bờ, vùng khô hạn – mặn mất nguồn nước sinh hoạt; đảm bảo nơi ở tạm, lương thực, nước sạch, y tế.

- Bảo vệ tuyệt đối các công trình trọng yếu: trạm cấp nước, trạm điện, cầu – đường huyết mạch, công lớn, khu công nghiệp trọng điểm.

- Huy động tổng lực lực lượng cứu hộ, quân đội, công an, y tế, triển khai đội xung kích xã hỗ trợ di chuyển tài sản và người dân.

- Chuẩn bị hậu cần dài ngày: kho dự trữ lương thực, nước sạch, nhiên liệu, vật tư sửa chữa tạm thời công trình bị hư hại.

- Phục hồi sau thiên tai, không tái lập khu dân cư trong vùng rủi ro cực cao; điều chỉnh lại quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch ngành dựa trên bài học sau thiên tai; kiên cố hóa toàn bộ hạ tầng trọng yếu.

X. GIẢI PHÁP NGUỒN LỰC THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Giải pháp huy động vốn đầu tư

- Phát huy nội lực, đồng thời tranh thủ hiệu quả nguồn lực Trung ương, khu vực tư nhân, FDI, ODA; bảo đảm phù hợp định hướng quy hoạch tỉnh; gắn huy động vốn với cơ cấu lại đầu tư công, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và an toàn tài chính – ngân sách.

- Ưu tiên sử dụng vốn cho các dự án có tính lan tỏa, liên kết vùng; hạ tầng khung; môi trường, bảo vệ rừng, thích ứng biến đổi khí hậu; quốc phòng, an ninh.

- Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động vốn doanh nghiệp và dân cư; tăng thu hút FDI có chọn lọc (công nghệ cao, xanh, năng lượng sạch, logistics, đô thị – du lịch...); phát triển PPP đối với hạ tầng và dịch vụ công; công khai danh mục dự án ưu tiên; cải thiện môi trường đầu tư, đối thoại tháo gỡ vướng mắc, bảo đảm cạnh tranh bình đẳng.

2. Nhóm giải pháp về cơ chế, chính sách liên kết phát triển

- Hoàn thiện cơ chế, chính sách, bổ sung chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư phù hợp theo định hướng phát triển của tỉnh; hình thành chuỗi liên kết ngành (công nghiệp, logistics, du lịch, nông nghiệp công nghệ cao, dược liệu...).

- Thu hút nhà đầu tư chiến lược, ưu tiên dự án quy mô lớn, công nghệ tiên tiến, quản trị hiện đại; không chạy theo số lượng; bảo đảm sử dụng đất hiệu quả, tiến độ thực hiện và tác động lan tỏa.

- Cải cách hành chính, môi trường đầu tư; Chuẩn hóa quy trình, đẩy mạnh số hóa; tăng đối thoại doanh nghiệp; giải quyết dứt điểm vướng mắc về thủ tục, đất đai, dự án chậm triển khai.

- Tăng cường phối hợp vùng và liên tỉnh trong phát triển hành lang kinh tế, hạ tầng kết nối, logistics, du lịch liên vùng.

- Đẩy mạnh xúc tiến thương mại, đầu tư, du lịch; tận dụng FTA; đa dạng hóa thị trường; hợp tác chuyển giao công nghệ, đào tạo nhân lực và hỗ trợ doanh nghiệp hội nhập.

3. Giải pháp phát triển nguồn nhân lực

- Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho tỉnh, gắn chặt với phát triển và ứng dụng khoa học - công nghệ, chuyển đổi số và các ngành mũi nhọn. Triển khai các chương trình, đề án đào tạo nhân lực chất lượng cao cho các lĩnh vực: công nghiệp, logistics, dịch vụ thương mại - tài chính, nông nghiệp công nghệ cao, y tế, giáo dục, du lịch và kinh tế số; chú trọng phát hiện, bồi dưỡng, sử dụng và đãi ngộ nhân tài, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế tri thức và đô thị trung tâm vùng.

- Nghiên cứu, ban hành cơ chế, chính sách thu hút đầu tư các cơ sở giáo dục nghề nghiệp ngoài công lập theo quy hoạch, tạo bước đột phá về quy mô và chất lượng đào tạo. Tăng cường liên kết giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp, trường đại học với doanh nghiệp, đẩy mạnh đào tạo theo đơn đặt hàng, đào tạo gắn với nhu cầu thực tiễn thị trường lao động và các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

4. Giải pháp về môi trường, khoa học, công nghệ và chuyển đổi số

a) Về bảo vệ môi trường: Tăng cường quản lý tổng hợp tài nguyên nước, không khí, đất; kiểm soát nghiêm ngặt nguồn thải từ khu công nghiệp, cụm công nghiệp, đô thị, làng nghề, y tế, nuôi trồng, chế biến thủy sản; mở rộng thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt đô thị; từng bước hạn chế khai thác nước dưới đất, chuyển sang sử dụng nước mặt đã xử lý, giảm nguy cơ sụt lún, xâm nhập mặn. Rà soát, hoàn thiện quy hoạch hệ thống quản lý chất thải rắn theo hướng phân loại tại nguồn, giảm chôn lấp, tăng tái chế, thu hồi năng lượng; hợp tác vùng trong xử lý chất thải nguy hại, chất thải y tế. Bảo vệ, phục hồi sông, kênh, rạch, đất ngập nước, các hành lang xanh ven sông; phát triển không gian xanh, công viên, du lịch sinh thái; hoàn thiện mạng lưới quan trắc môi trường, cơ chế phối hợp liên ngành - liên vùng, đẩy mạnh kinh tế tuần hoàn, kiểm tra, xử lý vi phạm và nâng cao nhận thức cộng đồng.

b) Về khoa học, công nghệ: Xác định khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo là động lực phát triển; lồng ghép công nghệ mới (AI, IoT, dữ liệu lớn, công nghệ sinh học, công nghệ môi trường...) vào chuỗi giá trị các ngành, lĩnh vực. Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, trung tâm đổi mới, vườn ươm, sàn giao dịch công nghệ; khuyến khích doanh nghiệp khoa học và công nghệ, startup sáng tạo trong nông nghiệp công nghệ cao, chế biến thực phẩm, năng lượng tái tạo, logistics, công nghệ thông tin và dịch vụ số. Ưu tiên nguồn lực, cơ chế ưu đãi tài chính - đất đai cho hoạt động R&D; gắn đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ

với các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu; tăng cường liên kết viện - trường - doanh nghiệp, thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu.

Ưu tiên phân bổ ngân sách và nhân lực trình độ cao để xây dựng, triển khai các "bài toán lớn" về KH&CN, đổi mới sáng tạo (ĐMST) và chuyển đổi số (CDS). Các nhiệm vụ này phải đóng vai trò là động lực then chốt để giải quyết các vấn đề cấp bách trong phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường của địa phương.

Xây dựng hệ thống bản đồ số (Digital Mapping): Thiết lập nền tảng dữ liệu không gian dùng chung, phục vụ công tác quy hoạch, quản lý tài nguyên, đô thị và giám sát môi trường. Đây là cơ sở để thực hiện các mô hình phân tích dự báo chính xác, hỗ trợ ra quyết định kịp thời cho lãnh đạo tỉnh/thành phố.

Hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm: Đầu tư nguồn lực phát triển và ứng dụng công nghệ (Blockchain, IoT, QR Code chuẩn GS1) vào chuỗi giá trị các sản phẩm chủ lực, nông sản đặc sản. Việc này không chỉ khẳng định thương hiệu, uy tín sản phẩm trên thị trường mà còn là công cụ hữu hiệu trong kiểm soát chất lượng và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

c) Về chuyển đổi số: Đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện trên ba trụ cột: chính quyền số, kinh tế số, xã hội số. Hoàn thiện kiến trúc chính quyền điện tử, mở rộng dịch vụ công trực tuyến, số hóa hồ sơ - dữ liệu; vận hành Trung tâm điều hành đô thị thông minh (IOC), ứng dụng dữ liệu thời gian thực trong chỉ đạo, điều hành; thúc đẩy kinh tế số trong nông nghiệp, công nghiệp, thương mại, dịch vụ đô thị; hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất ứng dụng nền tảng số trong quản lý, truy xuất nguồn gốc, logistics, thanh toán số, thương mại điện tử; phát triển hạ tầng số, viễn thông, băng rộng, 5G tại đô thị và khu công nghiệp; xây dựng trung tâm dữ liệu tập trung định hướng trung tâm dữ liệu vùng; đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng; mở rộng thanh toán không dùng tiền mặt, y tế số, giáo dục số; triển khai chương trình đào tạo kỹ năng số cho cán bộ, doanh nghiệp, người dân, hình thành lực lượng lao động số làm chủ công nghệ, góp phần phát triển kinh tế số, xã hội số, đô thị thông minh.

5. Giải pháp về cơ chế, chính sách liên kết phát triển

Triển khai hiệu quả các nghị quyết, chủ trương của Trung ương, làm rõ vai trò của tỉnh Đồng Tháp trong vùng.

Nghiên cứu, ban hành các cơ chế, chính sách thu hút nguồn lực phát triển, gồm: Cơ chế phát triển vùng động lực (không gian đô thị trung tâm, các vùng động lực phát triển, các khu công nghiệp, logistics, du lịch); chính sách thu hút nhà đầu tư chiến lược, dự án công nghệ cao, thân thiện môi trường; chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo.

Thường xuyên rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính, phát triển chính quyền số, nâng cao hiệu quả hoạt động Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;

nâng cao trách nhiệm, tính chuyên nghiệp, kỷ luật, sáng tạo của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

Tiếp tục thực hiện hiệu quả các chương trình hợp tác, liên kết đã ký kết với các địa phương lân cận, đối tác khác trong và ngoài nước nhằm tăng cường kết nối hạ tầng, thương mại, đầu tư và phát triển bền vững toàn vùng.

Xây dựng và triển khai chương trình đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Trọng tâm hướng vào việc tích hợp AI trong quy trình xử lý công việc hành chính và chuyên môn nhằm tối ưu hóa nguồn lực, nâng cao chất lượng dịch vụ công và hiệu quả quản lý nhà nước.

6. Giải pháp quản lý, kiểm soát phát triển đô thị và nông thôn

Bảo đảm hoạt động đầu tư xây dựng phù hợp quy hoạch; tinh giản thủ tục; kiểm soát chuyển đổi đất, bảo vệ đất rừng; công khai đấu giá, đấu thầu dự án; kiểm soát đầu cơ. Xây dựng và thực hiện đồng bộ các cơ chế, chính sách để phát triển các đô thị trung tâm trở thành các đô thị hiện đại, thông minh, dẫn dắt và tạo hiệu ứng lan tỏa, liên kết vùng đô thị.

Kiểm soát phát triển không gian đô thị; Có lộ trình mở rộng ranh giới đô thị phù hợp; di dời cơ sở gây ô nhiễm; phát triển đô thị gắn hạ tầng và dịch vụ thiết yếu. Quản lý giám sát chặt chẽ đảm bảo việc xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật, kết nối mạng lưới hạ tầng chung của địa phương và các vùng phụ cận. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các đề án, chương trình quốc gia về phát triển đô thị ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh; cải tạo, chỉnh trang, tái thiết và nâng cấp đô thị; xây dựng và phát triển các đô thị thông minh.

7. Tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch

Triển khai xây dựng kế hoạch hành động và thường xuyên cập nhật, cụ thể hóa, lồng ghép các nội dung quy hoạch thành các chương trình, đề án, kế hoạch 5 năm, hằng năm.

Thường xuyên theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch; kịp thời phát hiện, xử lý hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền xử lý các trường hợp vi phạm.